

TRƯỜNG ĐẠI HỌC HOA LƯ

KHOA KINH TẾ

**BÁO CÁO KẾT QUẢ THỰC HIỆN  
ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU KHOA HỌC SINH VIÊN**

**KẾ TOÁN TIỀN LƯƠNG VÀ CÁC KHOẢN TRÍCH  
THEO LƯƠNG TẠI CÔNG TY TNHH VẬN TẢI VÀ  
THƯƠNG MẠI XUÂN VINH**

**Chủ nhiệm đề tài: NGUYỄN THỊ THU HIỀN**

**Lớp: D13KT**

**Ngành: KẾ TOÁN**

**NINH BÌNH, 2023**

TRƯỜNG ĐẠI HỌC HOA LƯ  
KHOA KINH TẾ

**BÁO CÁO KẾT QUẢ THỰC HIỆN  
ĐỀ TÀI NGHIÊN CỨU KHOA HỌC CỦA SINH VIÊN**

**KẾ TOÁN TIỀN LƯƠNG VÀ CÁC KHOẢN TRÍCH  
THEO LƯƠNG TẠI CÔNG TY TNHH VẬN TẢI VÀ  
THƯƠNG MẠI XUÂN VINH**

**Chủ nhiệm đề tài: NGUYỄN THỊ THU HIỀN**

**Các thành viên: NGUYỄN LINH CHI**

**HOÀNG THỊ THUYẾT DƯƠNG**

**TRẦN THU HÀ**

**Lớp: D13 KT**

**Người hướng dẫn khoa học: ThS. ĐỖ THỊ THUYẾT**

**Xác nhận của GV hướng dẫn**

**Chủ nhiệm đề tài**

**ThS. Đỗ Thị Thuý**

**Nguyễn Thị Thu Hiền**

**NINH BÌNH, 2023**

## MỤC LỤC

BẢNG CÁC KÝ HIỆU, CHỮ VIẾT TẮT .....	i
DANH MỤC BẢNG BIỂU .....	ii
DANH MỤC SƠ ĐỒ .....	iii
<b>MỞ ĐẦU .....</b>	<b>1</b>
1. Tính cấp thiết của đề tài .....	1
2. Tổng quan tình hình nghiên cứu .....	2
3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu .....	4
4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu của đề tài .....	4
5. Phương pháp nghiên cứu .....	4
6. Nội dung nghiên cứu .....	5
<b>Chương 1: LÝ LUẬN CHUNG VỀ KẾ TOÁN TIỀN LƯƠNG VÀ CÁC KHOẢN TRÍCH THEO LƯƠNG TRONG DOANH NGHIỆP .....</b>	<b>6</b>
1.1. Tổng quan về tiền lương và các khoản trích theo lương .....	6
1.1.1. Tổng quan về lao động, tiền lương và các khoản trích theo lương .....	6
1.1.1.1. Khái niệm .....	6
1.1.1.2. Chức năng của tiền lương .....	6
1.1.1.3. Chế độ tiền lương .....	8
1.1.1.4. Phân loại lao động theo doanh nghiệp .....	9
1.1.1.5. Các hình thức trả lương .....	10
1.1.1.6. Quỹ tiền lương .....	12
1.1.2. Các khoản trích theo lương .....	13
1.1.2.1. Khái niệm .....	13
1.1.2.2. Nội dung trích lập và sử dụng các khoản trích theo lương .....	13
1.2. Kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương .....	17
1.2.1. Nhiệm vụ kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương .....	17
1.2.2. Kế toán tiền lương .....	18
1.2.2.1. Chứng từ và tài khoản sử dụng .....	18
1.2.2.2. Sổ kế toán .....	19
1.2.2.3. Phương pháp hạch toán .....	19
1.2.3. Kế toán các khoản trích theo lương .....	20
1.2.3.1. Chứng từ và tài khoản sử dụng .....	20
1.2.3.2. Sổ kế toán .....	21
1.2.3.3. Phương pháp hạch toán .....	21

1.2.4. Các thủ tục chứng từ thanh toán lương .....	22
1.3. Hình thức ghi sổ .....	22
1.3.1. Hình thức Nhật ký chung .....	22
1.3.2. Hình thức Chứng từ ghi sổ .....	23
<b>Chương 2: THỰC TRẠNG KẾ TOÁN TIỀN LƯƠNG VÀ CÁC KHOẢN TRÍCH THEO LƯƠNG TẠI CÔNG TY TNHH VẬN TẢI VÀ THƯƠNG MẠI XUÂN VINH.....</b>	<b>25</b>
2.1. Tổng quan về Công ty TNHH Vận tải và Thương mại Xuân Vinh.....	25
2.1.1. Lịch sử hình thành và phát triển của Công ty .....	25
2.1.2. Đặc điểm sản xuất kinh doanh của Công ty .....	28
2.1.3. Cơ cấu, tổ chức quản lý của Công ty .....	29
2.1.3.1. Cơ cấu tổ chức và hoạt động.....	29
2.1.3.2. Chức năng, nhiệm vụ của các bộ phận.....	31
2.1.4. Bộ máy kế toán của Công ty .....	31
2.1.5. Chế độ kế toán.....	32
2.2. Thực trạng kế toán tiền lương tại Công ty TNHH Vận tải và Thương mại Xuân Vinh .....	35
2.2.1. Chứng từ ghi sổ .....	35
2.2.2. Tài khoản sử dụng .....	36
2.3.2. Quy trình ghi sổ.....	36
2.3. Thực trạng kế toán các khoản trích theo lương tại Công ty TNHH Vận tải và Thương mại Xuân Vinh .....	48
2.3.1. Chứng từ và luân chuyển chứng từ .....	48
2.3.2. Tài khoản sử dụng.....	48
2.3.3. Ghi sổ kế toán.....	48
<b>Chương 3: MỘT SỐ GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN KẾ TOÁN TIỀN LƯƠNG VÀ CÁC KHOẢN TRÍCH THEO LƯƠNG TẠI CÔNG TY TNHH VẬN TẢI VÀ THƯƠNG MẠI XUÂN VINH.....</b>	<b>59</b>
3.1. Đánh giá về công tác kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương tại Công ty TNHH Vận tải và Thương mại Xuân Vinh.....	59
3.1.1. Ưu điểm.....	59
3.1.2. Hạn chế.....	60
3.2. Một số giải pháp nhằm hoàn thiện kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương tại Công ty TNHH Vận tải và Thương mại Xuân Vinh .....	61
3.2.1. Công tác tổ chức và quản lý lao động .....	61

3.2.2. Công tác kế toán tiền lương .....	62
3.2.3. Hệ thống tin học hóa ứng dụng trong công tác kế toán .....	63
3.2.4. Chính sách tiền lương.....	65
3.3. Điều kiện thực hiện giải pháp .....	66
<b>KẾT LUẬN .....</b>	<b>67</b>

## BẢNG CÁC KÝ HIỆU, CHỮ VIẾT TẮT

<b>Ký hiệu viết tắt</b>	<b>Nội dung</b>
BHTN	Bảo hiểm thất nghiệp
BHXH	Bảo hiểm xã hội
BHYT	Bảo hiểm y tế
BTC	Bộ Tài Chính
CNV	Công nhân viên
GTGT	Giá trị gia tăng
KPCĐ	Kinh phí công đoàn
NĐ	Nghị định
NLĐ	Người lao động
QĐ	Quyết định
QLDN	Quản lý doanh nghiệp
SDCK	Số dư cuối kỳ
SĐĐK	Số dư đầu kỳ
TK	Tài khoản
TNCN	Thu nhập cá nhân
TNHH	Trách nhiệm hữu hạn
TNTT	Thu nhập tính thuế
TT	Thông tư
VNĐ	Việt Nam Đồng

## DANH MỤC BẢNG BIỂU

Biểu 1.1. Tỷ lệ trích bảo hiểm từ ngày 01/10/2021 đến ngày 30/06/2022 .....	16
Biểu 1.2. Tỷ lệ trích bảo hiểm từ ngày 01/07/2022 đến ngày 30/09/2022 .....	16
Biểu 1.3. Tỷ lệ trích bảo hiểm từ ngày 01/10/2022 trở đi.....	17
Biểu 1.4. Kết cấu TK 334.....	19
Biểu 1.5. Kết cấu TK 338.....	21
Biểu 2.1. Cơ cấu lao động tại Công ty .....	30
Biểu 2.2. Bảng chấm công tháng 12/2022 .....	37
Biểu 2.3. Thuế suất thuế TNCN.....	38
Biểu 2.4. Bảng thanh toán lương tháng 12/2022 .....	39
Biểu 2.5. Bảng phân bổ tiền lương và các khoản trích theo lương tháng 12/2022.....	42
Biểu 2.6. (Trích) Nhật ký chung tháng 12/2022 .....	44
Biểu 2.7. Phiếu kế toán số 01 .....	45
Biểu 2.8. Phiếu kế toán số 02.....	46
Biểu 2.9. Sổ cái TK 334 tháng 12/2022.....	47
Biểu 2.10. Sổ chi tiết TK 3382.....	50
Biểu 2.11. Sổ chi tiết TK 3383.....	51
Biểu 2.12. Sổ chi tiết TK 3384.....	52
Biểu 2.13. Sổ chi tiết TK 3385.....	53
Biểu 2.14. Phiếu kế toán số 03 .....	54
Biểu 2.15. Phiếu kế toán số 04.....	55
Biểu 2.16. Phiếu kế toán số 05 .....	56
Biểu 2.17. Phiếu kế toán số 06.....	57
Biểu 2.18. Sổ cái TK 338 .....	58

## DANH MỤC SƠ ĐỒ

Sơ đồ 1.1. Sơ đồ kế toán tổng hợp tiền lương.....	20
Sơ đồ 1.2. Sơ đồ kế toán các khoản trích theo lương.....	22
Sơ đồ 1.3. Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Nhật ký chung .....	23
Sơ đồ 1.4. Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Chứng từ ghi sổ.....	24
Sơ đồ 2.1. Quy trình luân chuyển hàng hóa tại Công ty TNHH Vận tải và Thương mại Xuân Vinh .....	29
Sơ đồ 2.2. Tổ chức bộ máy quản lý của Công ty .....	29
Sơ đồ 2.3. Trình tự ghi sổ kế toán tại Công ty .....	32
Sơ đồ 2.4. Trình tự ghi sổ kế toán tiền lương tại Công ty.....	34
Sơ đồ 2.5. Trình tự ghi sổ kế toán tại Công ty .....	36



## MỞ ĐẦU

### 1. Tính cấp thiết của đề tài:

Tiền lương là phần thu nhập của người lao động trên cơ sở số lượng và chất lượng lao động trong khi thực hiện công việc của bản thân người lao động theo cam kết giữa chủ doanh nghiệp và người lao động. Tiền lương luôn là vấn đề được xã hội chú ý đến bởi ý nghĩa kinh tế, xã hội to lớn, nó góp phần quyết định sự thành công hay thất bại của từng doanh nghiệp. Một chính sách tiền lương hợp lý là cơ sở, đòn bẩy cho sự phát triển của doanh nghiệp.

Đối với doanh nghiệp, tiền lương là một phần không nhỏ của chi phí sản xuất. Tiền lương được trả đúng với thành quả cho doanh nghiệp sẽ thúc đẩy tinh thần hăng say làm việc, sáng tạo trong quá trình lao động. Vì vậy nếu doanh nghiệp vận dụng chế độ tiền lương hợp lý sẽ tạo động lực tăng năng suất lao động tiết kiệm chi phí nhân công, đẩy mạnh hoạt động sản xuất và hạ giá thành sản phẩm.

Đối với người lao động, tiền lương có ý nghĩa vô cùng quan trọng bởi nó là nguồn thu nhập đảm bảo cuộc sống không chỉ những cá nhân mà cả gia đình của họ. Do đó tiền lương là động lực thúc đẩy tăng năng suất lao động nếu họ được trả xứng đáng với sức lao động mà họ đã đóng góp nhưng cũng có thể làm giảm năng suất lao động khiến cho quá trình sản xuất bị chậm lại, không đạt hiệu quả nếu tiền lương mà họ nhận được thấp hơn sức lao động mà họ đã bỏ ra.

Xét trên tầm vĩ mô của toàn bộ nền kinh tế, tiền lương là sự cụ thể hơn của quá trình phân phối của cải vật chất do chính người lao động làm ra. Vì vậy, việc xây dựng tháng lương, bảng lương, lựa chọn các hình thức trả lương phải hợp lý để sao cho tiền lương vừa là khoản thu nhập để người lao động đảm bảo nhu cầu cả vật chất lẫn tinh thần, đồng thời làm cho tiền lương trở thành động lực thúc đẩy người lao động làm việc tốt hơn, có tinh thần trách nhiệm hơn đối với công việc mà họ đảm nhận. Tùy theo đặc điểm của từng doanh nghiệp mà xây dựng kế hoạch việc hạch toán tiền lương cho chính xác, khoa học để tính đúng, tính đủ số tiền lương, đảm bảo quyền lợi về vật chất cho người lao động, đặc biệt đảm bảo công tác kế toán, thanh tra, kiểm tra được dễ dàng. Gắn chặt với tiền lương là các khoản trích theo lương gồm BHXH, BHYT, KPCĐ. Các chế độ tiền lương và các khoản trích theo lương đã được nhà nước ban hành, song nó được

vận chuyển linh hoạt ở mỗi doanh nghiệp phụ thuộc vào tổ chức quản lý, sản xuất kinh doanh và vào tính chất công việc của doanh nghiệp đó.

Cũng như bao doanh nghiệp khác trong nền kinh tế thị trường Công ty TNHH Vận tải và Thương mại Xuân Vinh với hoạt động kinh doanh về vật liệu xây dựng trong và ngoài tỉnh đang ngày càng phát triển và chiếm một vị trí chắc chắn trên thị trường. Công ty TNHH Vận tải và Thương mại Xuân Vinh cũng đã và đang vận hành công tác kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương một cách khá khoa học. Tuy nhiên, bên cạnh những kết quả đạt được thì Công ty còn gặp một khó khăn chưa khắc phục được về kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương như: quy mô phòng làm việc chật hẹp nên phòng kế toán chưa được riêng biệt nên khi kiểm tra sổ sách về lương rất khó và lộn xộn, khó khăn trong việc sử dụng phần mềm kế toán.

Vì vậy việc xây dựng một cơ chế tiền lương phù hợp có một ý nghĩa vô cùng to lớn đối với sự tồn tại và phát triển của Công ty. Nhận thức được tầm quan trọng của vấn đề trên, nên “*Thực trạng kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương tại Công ty TNHH Vận tải và Thương mại Xuân Vinh*” được chọn làm đề tài nghiên cứu cho đề tài nghiên cứu khoa học này.

## **2. Tổng quan tình hình nghiên cứu**

Trong nền kinh tế thị trường hiện nay để kinh doanh đạt hiệu quả, có thể tồn tại và phát triển ngày càng vững chắc thì công tác kế toán phải luôn được củng cố và hoàn thiện để phù hợp với chế độ hiện hành. Cũng chính vì thế đã có rất nhiều công trình nghiên cứu về công tác kế toán nói chung cũng như kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương nói riêng. Có thể điểm qua một số tác giả với một số đề tài cơ bản như sau:

Đề tài của sinh viên Nguyễn Thị Mỹ Duyên (2017) Trường Đại học dân lập Hải Phòng viết về “*Thực trạng công tác kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương tại Công ty TNHH Phát triển và Dịch vụ Du lịch Hướng Dương*” đã nghiên cứu một cách rất tốt và khá hoàn thiện về công tác kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương Trong đề tài, tác giả đã chỉ ra được công tác quản lý nhân sự của Công ty luôn chặt chẽ, có sự đối chiếu việc chấm công với thống kê lao động đảm bảo tính công bằng cho người lao động. Các chi phí tiền lương, BHXH, BHYT, BHTN luôn được tính toán chính xác, đầy đủ, phân bổ đúng cho từng đối tượng. Nhưng bên cạnh đó vẫn còn một số hạn chế

mà Công ty đang gặp phải như: chưa có sự kết hợp linh hoạt giữa các hình thức trả lương với nhau mà chỉ áp dụng hình thức trả lương theo thời gian. Việc thanh toán lương mất nhiều thời gian, chưa khoa học do việc thanh toán lương cho người lao động chủ yếu bằng tiền mặt. Từ đó, tác giả cũng đã đưa ra một số giải pháp hoàn thiện, đó là việc Công ty nên kết hợp việc trả lương theo thời gian và việc trả lương theo sản phẩm, tổ chức lao động, tăng cường kiểm tra giám sát và chi trả lương theo đúng trí lực, sức lực người lao động, ...

Đề tài của sinh viên Phạm Thúy Vân (2017) Trường Đại học dân lập Hải Phòng viết về đề tài “*Hoàn thiện công tác kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương tại Công ty TNHH Lihit Lab Việt Nam*” đã đưa ra những lí luận về công tác kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương của doanh nghiệp đồng thời đưa ra một số biện pháp giúp Công ty làm tốt hơn công tác kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương tại Công ty TNHH Lihit Lab Việt Nam. Trong đề tài, tác giả đã chỉ ra được Công ty sử dụng hệ thống sổ sách kế toán theo đúng quy định của Bộ tài chính, thực hiện đúng theo nguyên tắc hạch toán kế toán, phản ánh chính xác số dư, số phát sinh, tạo điều kiện thuận lợi cho việc lập bảng cân đối kế toán, bảng cân đối số phát sinh của kế toán tổng hợp được chính xác. Tuy nhiên Công ty chưa chú trọng nhiều đến các khoản phụ cấp khen thưởng cho người lao động. Công tác quản lý chưa được chặt chẽ, việc tuyển dụng có được thực hiện, nhưng chưa được bám sát. Từ thực tế đó, tác giả đã đề ra một số giải pháp như: thưởng cho các cá nhân hoặc tập thể có thành tích xuất sắc, tăng cường quản lý thời gian và chất lượng lao động,...

Cả hai đề tài trên đều phân tích được những điểm mạnh, điểm yếu và phản ánh được thực trạng, đưa ra giải pháp hoàn thiện kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương cho các doanh nghiệp. Tuy nhiên, những giải pháp đưa ra chủ yếu dựa trên lý thuyết, tính thực tiễn không cao, chưa nhằm hoàn thiện chất lượng tổ chức kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương của doanh nghiệp một cách hiệu quả, cần phải có cái nhìn đa chiều hơn để giúp doanh nghiệp hội nhập với nền kinh tế thị trường hiện nay. Trong quá trình tìm hiểu Công ty TNHH Vận tải và Thương mại Xuân Vinh, em nhận thấy những khó khăn trong công tác kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương của Công ty còn nhiều mặt hạn chế. Tính đến thời điểm hiện tại, chưa có đề tài nào nghiên cứu về kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương tại Công ty. Vì vậy, em

manh dạn lựa chọn đề tài “*Thực trạng kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương tại Công ty TNHH Vận tải và Thương mại Xuân Vinh*”. Với mục đích cố gắng thực tập, nghiên cứu thực trạng của Công ty để từ đó đưa ra được ưu điểm, nhược điểm của Công ty và một số giải pháp nhằm hoàn thiện kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương cho Công ty.

### **3. Mục đích và nhiệm vụ nghiên cứu**

#### **3.1. Mục đích nghiên cứu**

Từ kết quả nghiên cứu lý luận và thực tiễn về kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương, đề xuất một số biện pháp nhằm hoàn thiện kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương tại Công ty TNHH Vận tải và Thương mại Xuân Vinh.

#### **3.2. Nhiệm vụ nghiên cứu**

- Hệ thống hóa, khái quát hóa cơ sở lý luận về kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương.
- Nghiên cứu thực trạng kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương tại Công ty TNHH Vận tải và Thương mại Xuân Vinh.
- Đề xuất giải pháp nhằm hoàn thiện kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương tại Công ty TNHH Vận tải và Thương mại Xuân Vinh.

### **4. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu của đề tài**

#### **4.1. Đối tượng nghiên cứu**

Kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương tại Công ty TNHH Vận tải và Thương mại Xuân Vinh.

#### **4.2. Phạm vi nghiên cứu**

- *Phạm vi không gian*: Nghiên cứu kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương tại Công ty TNHH Vận tải và Thương mại Xuân Vinh.
- *Phạm vi thời gian*: Đề tài tập trung nghiên cứu với số liệu cung cấp của Công ty trong phạm vi các tài liệu về tình hình tài chính, kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương của Công ty qua các năm 2021, 2022, 2023.

### **5. Phương pháp nghiên cứu**

- *Phương pháp thống kê*: Tập hợp tất cả chứng từ và số liệu cần thiết phục vụ cho đề tài nghiên cứu.
- *Phương pháp quan sát*: Thực hiện quan sát các hoạt động của doanh nghiệp và bộ máy kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương.

- *Phương pháp tổng hợp và so sánh*: Trên cơ sở những chứng từ và số liệu có được tổng hợp lại và tiến hành so sánh một số chỉ tiêu.

## **6. Nội dung nghiên cứu**

Ngoài phần mở đầu và phần kết luận đề tài gồm 3 chương:

*Chương 1: Lý luận chung về kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương trong doanh nghiệp.*

*Chương 2: Thực trạng công tác kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương tại Công ty TNHH Vận tải và Thương mại Xuân Vinh.*

*Chương 3: Một số giải pháp hoàn thiện về kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương tại Công ty TNHH Vận tải và Thương mại Xuân Vinh.*

## Chương 1

# LÝ LUẬN CHUNG VỀ KẾ TOÁN TIỀN LƯƠNG VÀ CÁC KHOẢN TRÍCH THEO LƯƠNG TRONG DOANH NGHIỆP

### 1.1. Tổng quan về tiền lương và các khoản trích theo lương

#### 1.1.1. Tổng quan về lao động, tiền lương và các khoản trích theo lương

##### 1.1.1.1. Khái niệm

Tiền lương là một phạm trù kinh tế, là một kết quả quan trọng của sự phân phối của cải trong xã hội. Kinh tế học vi mô coi sản xuất là sự kết hợp giữa hai yếu tố là lao động và vốn. Vốn thuộc quyền sở hữu của một bộ phận dân cư trong xã hội, còn một bộ phận dân cư khác do không có vốn chỉ có sức lao động, phải đi làm thuê cho những người có vốn và đổi lại họ nhận được một khoản tiền gọi là tiền lương.

Trên thực tế, khái niệm và cơ cấu tiền lương rất đa dạng ở các nước trên thế giới. Điều đó cho thấy sự phức tạp về tiền lương thể hiện ngay trong quan điểm triết lý về tiền lương. Tiền lương có thể có nhiều tên gọi khác nhau như thù lao lao động, thu nhập lao động,... Cụ thể ở Việt Nam cũng có nhiều khái niệm khác nhau về tiền lương. Một số khái niệm tiền lương có thể được nêu ra như sau:

- “Tiền lương là giá cả sức lao động được hình thành thông qua thỏa thuận giữa người sử dụng lao động và người lao động phù hợp với quan hệ cung cầu sức lao động trong nền kinh tế thị trường.”

- “Tiền lương là khoản tiền mà người lao động nhận được khi họ đã hoàn thành hoặc sẽ hoàn thành một công việc nào đó, mà công việc đó không bị pháp luật ngăn cấm.”

Như vậy, từ các khái niệm trên, tiền lương được hiểu là số tiền mà người lao động được người sử dụng lao động thanh toán, tương ứng với số lượng và chất lượng lao động mà họ đã tiêu hao trong quá trình tạo ra của cải, vật chất.

##### 1.1.1.2. Chức năng của tiền lương

Trong bất cứ một doanh nghiệp nào tiền lương đều thực hiện hai chức năng sau đây:

### - Về phương diện xã hội

Trong mọi chế độ xã hội, tiền lương thực hiện chức năng kinh tế cơ bản của nó là đảm bảo tái sản xuất sức lao động cho xã hội. Tuy nhiên, mức độ tái sản xuất mở rộng cho người lao động và cách tính, cách trả tiền lương trong mỗi chế độ là khác nhau. Để thực hiện chính sách này trong công tác tiền lương:

+ Nhà nước phải định mức lương tối thiểu; Mức lương tối thiểu là nền tảng cho chính sách tiền lương và việc trả lương của các doanh nghiệp, bởi vậy nó phải được thể chế bằng pháp luật buộc mọi doanh nghiệp khi sử dụng lao động phải thực hiện. Mức lương tối thiểu được ấn định theo giá linh hoạt, đảm bảo cho người lao động làm việc đơn giản nhất trong điều kiện lao động bình thường bù đắp sức lao động giản đơn mà một phần tích lũy tái sản xuất sức lao động mở rộng, mức lương tối thiểu làm căn cứ để tính các mức lương cho các loại lao động khác.

+ Mức lương cơ bản khác: Được xác định trên cơ sở mức giá hàng vật phẩm tiêu dùng trong từng trường hợp một, bởi vậy khi giá cả có biến động, đặc biệt khi tốc độ lạm phát cao phải điều chỉnh tiền lương phù hợp để đảm bảo đời sống của người lao động.

### - Về phương diện kinh tế

Tiền lương là một đòn bẩy kinh tế có tác dụng kích thích lợi ích vật chất đối với người lao động làm cho họ vì lợi ích vật chất của bản thân và gia đình mà lao động một cách tích cực với chất lượng kết quả ngày càng cao. Để trở thành đòn bẩy kinh tế, việc trả lương phải gắn liền với kết quả lao động, tổ chức tiền lương phải nhằm khuyến khích người lao động nâng cao năng suất, chất lượng và hiệu quả lao động.

Với chức năng cơ bản nói trên, vai trò của tiền lương được thể hiện:

### - Về mặt kinh tế

Tiền lương đóng vai trò đặc biệt quan trọng, quyết định trong việc ổn định và phát triển kinh tế gia đình. Nếu tiền lương không đủ trang trải, mức sống của người lao động bị giảm sút, họ phải kiếm thêm việc làm ngoài doanh nghiệp như vậy có thể làm ảnh hưởng kết quả làm việc tại doanh nghiệp. Ngược lại, nếu tiền

lương trả cho người lao động lớn hơn hoặc bằng mức lương tối thiểu thì sẽ tạo cho người lao động sự yên tâm, phấn khởi làm việc, dồn hết khả năng và sức lực của mình cho công việc vì lợi ích chung của doanh nghiệp, có như vậy dân mới giàu, nước mới mạnh.

- Về mặt chính trị - xã hội

Có thể nói tiền lương là một nhân tố quan trọng có tác động mạnh mẽ nhất, nếu như tiền lương không gắn chặt với chất lượng, hiệu quả công tác, không theo giá trị sức lao động sẽ không đủ khuyến khích người lao động nâng cao trình độ nghiệp vụ, trình độ tay nghề. Vì vậy, tiền lương phải đảm bảo các yếu tố cấu thành để đảm bảo nguồn thu nhập, là nguồn sống chủ yếu của người lao động và gia đình họ, là điều kiện để người lao động hưởng lương hòa nhập vào thị trường lao động xã hội.

Tóm lại, trong đời sống xã hội, trong doanh nghiệp, tiền lương đóng vai trò đặc biệt quan trọng, nó không chỉ đảm bảo cho đời sống của người lao động, tái sản xuất sức lao động mà còn là công cụ để quản lý doanh nghiệp, là đòn bẩy kinh tế hiệu quả. Tuy nhiên, chỉ trên cơ sở áp dụng đúng đắn chế độ tiền lương, đảm bảo các nguyên tắc của nó thì mới phát huy được mặt tích cực và ngược lại sẽ làm ảnh hưởng xấu đến toàn bộ hoạt động của doanh nghiệp.

### **1.1.1.3. Chế độ tiền lương**

Các quy định cơ bản của nhà nước về khung lương (bậc lương, hệ số lương) áp dụng doanh nghiệp sản xuất kinh doanh, các nguyên tắc xây dựng thang lương và bảng lương.

Thang lương và bảng lương được xây dựng cho lao động quản lý, lao động chuyên môn kỹ thuật, nghiệp vụ và công nhân trực tiếp sản xuất, kinh doanh theo công việc và ngành nghề đào tạo.

Bội số của thang lương, bảng lương là hệ số mức lương cao nhất của người lao động có trình độ quản lý, chuyên môn kỹ thuật, nghiệp vụ cao nhất so với người có trình độ thấp nhất.

Số bậc của thang lương, bảng lương phụ thuộc vào độ phức tạp quản lý, cấp bậc của công việc đòi hỏi. Khoảng cách của bậc thang lương liền kề phải



đảm bảo khuyến khích nâng cao trình độ, chuyên môn kỹ thuật, tích lũy kinh nghiệm.

Mức lương bậc 1 của thang lương, bảng lương phải cao hơn mức lương đo lường nhà nước quy định, mức lương của nghề hoặc công việc độc hại, nguy hiểm và đặc biệt độc hại, nguy hiểm phải cao hơn mức lương của nghề hoặc công việc có điều kiện lao động bình thường.

#### **1.1.1.4. Phân loại lao động theo doanh nghiệp**

Việc phân loại lao động có ý nghĩa quan trọng trong việc nắm bắt thông tin về số lượng và thành phần lao động, về trình độ nghề nghiệp của người lao động trong doanh nghiệp, về sự bố trí lao động trong doanh nghiệp từ đó thực hiện quy hoạch lao động, lập kế hoạch lao động. Mặt khác, thông qua phân loại lao động trong toàn doanh nghiệp và từng bộ phận giúp cho việc lập dự trù chi phí nhân công trong chi phí sản xuất kinh doanh, lập kế hoạch quỹ lương và thuận tiện cho việc kiểm tra tình hình thực hiện các kế hoạch và dự trù này.

##### **❖ Lao động trực tiếp**

Gồm những người trực tiếp tiến hành hoạt động sản xuất kinh doanh tạo ra sản phẩm hay trực tiếp thực hiện các công việc dịch vụ nhất định.

Theo nội dung công việc mà người lao động thực hiện, loại lao động trực tiếp được chia thành: Lao động sản xuất kinh doanh chính, lao động sản xuất kinh doanh phụ trợ, lao động của các hoạt động khác.

Theo năng lực và trình độ chuyên môn, lao động trực tiếp được phân thành các loại:

- Lao động có tay nghề cao: Gồm những người đã qua đào tạo chuyên môn và có nhiều kinh nghiệm trong công việc thực tế, có khả năng đảm nhận các công việc phức tạp đòi hỏi trình độ cao.

- Lao động có tay nghề trung bình: Gồm những người đã qua đào tạo chuyên môn, nhưng thời gian công tác thực tế chưa nhiều hoặc những người chưa được đào tạo qua trường lớp chuyên môn nhưng có thời gian làm việc thực tế tương đối lâu được trưởng thành do học hỏi từ thực tế.

##### **❖ Lao động gián tiếp**

Gồm những người chỉ đạo, phục vụ và quản lý kinh doanh trong doanh nghiệp

Theo nội dung công việc và nghề nghiệp chuyên môn, loại lao động này được chia thành: nhân viên kỹ thuật, nhân viên quản lý kinh tế, nhân viên quản lý hành chính.

Theo năng lực và trình độ chuyên môn, lao động gián tiếp được phân thành các loại:

- Chuyên viên chính: Là những người có trình độ từ đại học trở lên có trình độ chuyên môn cao, có khả năng giải quyết các công việc mang tính tổng hợp, phức tạp.

- Chuyên viên: Cũng là những người lao động tốt nghiệp đại học, trên đại học, có thời gian công tác tương đối lâu, trình độ chuyên môn tương đối cao

- Cán sự: Gồm những người mới tốt nghiệp đại học, có thời gian công tác chưa nhiều.

- Nhân viên: Là những người lao động gián tiếp với trình độ chuyên môn thấp, có thể đã qua đào tạo các trường lớp chuyên môn, nghiệp vụ, hoặc chưa qua đào tạo.

#### **1.1.1.5. Các hình thức trả lương**

Tiền lương trả cho người lao động phải quán triệt nguyên tắc phân phối theo lao động, trả lương theo số lượng và chất lượng lao động. Việc trả lương cho người lao động theo số lượng và chất lượng lao động có ý nghĩa rất quan trọng trong việc động viên, khuyến khích người lao động phát huy tinh thần dân chủ, thúc đẩy họ hăng say lao động sáng tạo nâng cao năng suất lao động nhằm tạo ra của cải vật chất cho xã hội, nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của mỗi thành viên trong xã hội.

##### **❖ Hình thức trả lương theo thời gian**

Đây là hình thức trả lương cho người lao động căn cứ vào thời gian làm việc thực tế và trình độ tay nghề. Cách tính này thường áp dụng cho người lao động làm công tác văn phòng hành chính, tài vụ kế toán,... hoặc những công việc chưa xây dựng được định mức lao động, chưa có giá lương sản phẩm.

Là số tiền trả cho người lao động căn cứ vào bậc lương và thời gian thực tế làm việc không xét đến thái độ và kết quả lao động. Cụ thể:

Đối với cán bộ, công chức, viên chức, sĩ quan, quân nhân chuyên nghiệp:

$$\text{Mức lương} = \text{Mức lương cơ sở} \times \text{Hệ số lương}$$

Trong đó:

- Mức lương cơ sở là 1.490.000 đồng/tháng
- Hệ số lương thể hiện sự chênh lệch tiền lương giữa các mức lương theo ngạch, bậc lương (lương cơ bản) và mức lương tối thiểu. Bắt đầu từ tháng 08/2021, thông tư 02/2021 và thông tư 03/2021 của Bộ Nội vụ đã có hiệu lực với nhiều điểm mới trong chế độ tiền lương đối với cán bộ, công chức, viên chức, người lao động.

Đối với doanh nghiệp, hợp tác xã, người lao động làm việc theo chế độ hợp đồng lao động,... sử dụng mức lương tối thiểu vùng làm cơ sở để doanh nghiệp và người lao động thỏa thuận và trả lương. Trong đó, mức lương trả cho người lao động làm việc trong điều kiện lao động bình thường; bảo đảm đủ thời giờ làm việc bình thường trong tháng; và hoàn thành định mức lao động hoặc công việc đã thỏa thuận.

Hiện tại, mức lương tối thiểu vùng đang được áp dụng theo Nghị định số 38/2022/NĐ-CP ngày 12/6/2022 quy định mức lương tối thiểu đối với người lao động làm việc theo hợp đồng lao động như sau:

- Vùng I: 4.680.000 đồng/tháng
- Vùng II: 4.160.000 đồng/tháng
- Vùng III: 3.640.000 đồng/tháng
- Vùng IV: 3.250.000 đồng/tháng.

Người lao động làm công việc hoặc chức danh đòi hỏi lao động qua đào tạo, học nghề (kể cả lao động do doanh nghiệp tự dạy nghề) phải cao hơn ít nhất 7% so với mức lương tối thiểu vùng.

#### **❖ Hình thức trả lương theo sản phẩm**

Tiền lương trả theo sản phẩm là một hình thức trả lương cơ bản đang áp dụng phổ biến trong khu vực sản xuất hiện nay, tiền lương mà người lao động

nhận được phụ thuộc vào số lượng, chất lượng sản phẩm và lượng công việc đã hoàn thành.

Công thức tính:

$$L = \text{ĐG} \times Q$$

Trong đó:

- L: Lương tính theo sản phẩm
- ĐG: Đơn giá tiền lương
- Q: Mức sản lượng thực tế

#### ❖ *Hình thức trả lương khoán*

Là hình thức trả lương khi người lao động hoàn thành được khối công việc theo đúng chất lượng được thỏa thuận giữa người thuê lao động và người lao động.

Hình thức này làm cho người lao động quan tâm đến số lượng và chất lượng lao động của mình, người lao động có tinh thần trách nhiệm cao với sản phẩm mình làm ra.

Công thức tính:

$$\text{Lương} = \text{Đơn giá khoán} \times \text{Khối lượng công việc}$$

#### ❖ *Hình thức trả lương theo doanh thu*

Là hình thức trả lương mà thu nhập người lao động phụ thuộc vào doanh số đạt được theo mục tiêu doanh số và chính sách lương, thưởng doanh số quy định của công ty.

– Phương thức trả lương này thường được áp dụng cho nhân viên bán hàng, nhân viên kinh doanh.

– Các hình thức lương, thưởng theo doanh thu:

+ Lương, thưởng doanh số nhóm.

+ Lương, thưởng doanh số cá nhân.

+ Các hình thức thưởng kinh doanh khác: công nợ, phát triển thị trường, thưởng theo mốc chỉ tiêu đạt được...

#### **1.1.1.6. Quỹ tiền lương**

Quỹ tiền lương của doanh nghiệp là toàn bộ số tiền lương mà doanh

nghiệp dùng để trả cho tất cả lao động do doanh nghiệp trực tiếp quản lý và sử dụng bao gồm các khoản:

- Tiền lương tính theo thời gian, tiền lương tính theo sản phẩm, tiền lương khoán.
- Tiền lương trả cho người lao động tạo ra sản phẩm hỏng trong phạm vi chế độ quy định.
- Tiền lương phải trả cho người lao động trong thời gian ngừng sản xuất do nguyên nhân khách quan, trong thời gian điều động công tác, thực hiện nghĩa vụ theo chế độ quy định,...

## **1.1.2. Các khoản trích theo lương**

### **1.1.2.1. Khái niệm**

Các khoản trích theo lương là một phần quan trọng trong việc tính toán thu nhập của người lao động. Những khoản trích này không chỉ ảnh hưởng đến mức lương thực tế mà người lao động nhận được mà còn ảnh hưởng đến khoản bảo hiểm mà người lao động được hưởng. Vì vậy các khoản trích theo lương là khoản tiền mà người lao động phải đóng cho các khoản bảo hiểm và quỹ hỗ trợ khác từ tiền lương mà họ nhận được.

Các khoản trích theo lương thường được quy định trong luật lao động và các quy định liên quan, và được tính dựa trên tổng số tiền lương mà người lao động nhận được mỗi tháng.

Hiện nay ở Việt Nam thì những khoản trích theo lương thông thường là: BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ.

### **1.1.2.2. Nội dung trích lập và sử dụng các khoản trích theo lương**

#### **❖ *Quỹ bảo hiểm xã hội***

Bảo hiểm xã hội là sự đảm bảo thay thế hoặc bù đắp một phần thu nhập đối với người lao động khi họ gặp phải biến cố làm suy giảm khả năng lao động hoặc mất việc làm như người lao động ốm đau, thai sản, tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp, hưu trí, tử tuất, ... bằng cách hình thành một quỹ tài chính tập trung do sự đóng góp của người sử dụng lao động và người lao động nhằm đảm

bảo đời sống cho người lao động và gia đình họ, góp phần đảm bảo trật tự an toàn xã hội.

Ở Việt Nam hiện nay, mọi lao động tham gia đóng BHXH đều có quyền hưởng BHXH. Phương thức đóng BHXH dựa trên cơ sở mức lương quy định để đóng BHXH đối với người lao động.

❖ ***Quỹ bảo hiểm y tế***

Quỹ BHYT là quỹ dùng cho người lao động có tham gia đóng góp các quỹ trong hoạt động khám, chữa bệnh, được hình thành bằng cách trích theo tỷ lệ trên tổng quỹ lương cấp bậc.

Quỹ BHYT được chi cho người lao động thông qua mạng lưới y tế, khi người lao động ốm đau thì mọi chi phí về khám chữa bệnh đều được cơ quan BHYT chi trả thông qua dịch vụ khám chữa bệnh ở các cơ sở y tế chứ không chi trả trực tiếp cho người lao động.

❖ ***Kinh phí công đoàn***

Là khoản tiền do chủ doanh nghiệp đóng để phục vụ cho hoạt động của tổ chức công đoàn. KPCĐ được tính bằng 2% trên lương thực tế của người lao động, tính vào chi phí sản xuất kinh doanh.

Quỹ KPCĐ được phân cấp quản lý và chi tiêu theo chế độ quy định: 1% nộp lên cấp trên, 1% chi cho hoạt động công đoàn cơ sở.

❖ ***Quỹ bảo hiểm thất nghiệp***

BHTN là khoản hỗ trợ tài chính tạm thời cho người lao động mất việc mà đáp ứng đủ yêu cầu của luật định.

Đối tượng được nhận bảo hiểm thất nghiệp là những người bị mất việc không do lỗi của cá nhân họ, ví dụ như bị mất việc do ảnh hưởng của đại dịch Covid-19. Người lao động vẫn đang cố gắng tìm kiếm việc làm, sẵn sàng nhận công việc mới và luôn nỗ lực nhằm chấm dứt tình trạng thất nghiệp.

❖ **Tỷ lệ trích bảo hiểm giai đoạn 2021 – 2022**

Căn cứ theo Quyết định 23/2021/QĐ-TTg ngày 07/07/2021 của Thủ tướng Chính phủ và Nghị quyết 68/NQ-CP ngày 01/07/2021 của Chính phủ quy định về tỷ lệ trích bảo hiểm từ ngày 01/07/2021 như sau:

*“Điều 2. Mức đóng và thời gian áp dụng mức đóng vào Quỹ bảo hiểm tai nạn lao động, bệnh nghề nghiệp*

*1. Mức đóng: Bằng 0% quỹ tiền lương làm căn cứ đóng bảo hiểm xã hội.*

*2. Thời gian áp dụng: 12 tháng, từ ngày 01 tháng 07 năm 2021 đến hết ngày 30 tháng 06 năm 2022.*

Căn cứ theo Nghị quyết 116/NQ-CP ngày 24/09/2021 của Chính phủ quy định:

*a. Đối tượng áp dụng*

*Người sử dụng lao động quy định tại Điều 43 của Luật Việc làm (không bao gồm các cơ quan Nhà nước, tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội, đơn vị vũ trang nhân dân và đơn vị sự nghiệp công lập do Ngân sách Nhà nước bảo đảm chi thường xuyên) đang tham gia bảo hiểm thất nghiệp trước ngày 01 tháng 10 năm 2021.*

*b. Mức giảm đóng*

*Người sử dụng lao động được giảm mức đóng từ 1% xuống bằng 0% quỹ tiền lương tháng của người lao động thuộc đối tượng tham gia bảo hiểm thất nghiệp.*

*c. Thời gian thực hiện giảm mức đóng*

*12 tháng kể từ ngày 01 tháng 10 năm 2021 đến hết ngày 30 tháng 9 năm 2022*

*- Giai đoạn từ ngày 01/10/2021 đến ngày 30/06/2022 tỷ lệ trích nộp được thay đổi như sau:*

**Biểu 1.1. Tỷ lệ trích bảo hiểm từ ngày 01/10/2021 đến ngày 30/06/2022**

Các khoản bảo hiểm trích theo lương	Trích vào chi phí của doanh nghiệp	Trích vào lương của người lao động	<b>Tổng</b>
Bảo hiểm xã hội	17%	8%	<b>25%</b>
Bảo hiểm y tế	3%	1,5%	<b>4,5%</b>
Bảo hiểm thất nghiệp	0%	1%	<b>1%</b>
<b>Tổng</b>	<b>20%</b>	<b>10,5%</b>	<b>30,5%</b>

Cụ thể, trong khoản trích BHXH là 17% trích vào chi phí của doanh nghiệp thì trong đó: Trích 14% vào quỹ hưu trí và tử tuất, 3% vào quỹ ốm đau và thai sản, 0% vào quỹ bảo hiểm tai nạn lao động và bệnh nghề nghiệp.

- Giai đoạn từ ngày 01/07/2022 đến ngày 30/09/2022 tỷ lệ trích bảo hiểm thay đổi như sau:

**Biểu 1.2. Tỷ lệ trích bảo hiểm từ ngày 01/07/2022 đến ngày 30/09/2022**

Các khoản bảo hiểm trích theo lương	Trích vào chi phí của doanh nghiệp	Trích vào lương của người lao động	<b>Tổng</b>
Bảo hiểm xã hội	17,5%	8%	<b>25,5%</b>
Bảo hiểm y tế	3%	1,5%	<b>4,5%</b>
Bảo hiểm thất nghiệp	0%	1%	<b>1%</b>
<b>Tổng</b>	<b>20,5%</b>	<b>10,5%</b>	<b>31%</b>

Cụ thể, trong khoản trích BHXH là 17,5% trích vào chi phí của doanh nghiệp thì trong đó: Trích 14% vào quỹ hưu trí và tử tuất, 3% vào quỹ ốm đau và thai sản, 0,5% vào quỹ bảo hiểm tai nạn lao động và bệnh nghề nghiệp.

- Giai đoạn từ ngày 01/10/2022 trở đi tỷ lệ trích bảo hiểm thay đổi như sau:



**Biểu 1.3. Tỷ lệ trích bảo hiểm từ ngày 01/10/2022 trở đi**

Các khoản bảo hiểm trích theo lương	Trích vào chi phí của doanh nghiệp	Trích vào lương của người lao động	<b>Tổng</b>
Bảo hiểm xã hội	17,5%	8%	<b>25,5%</b>
Bảo hiểm y tế	3%	1,5%	<b>4,5%</b>
Bảo hiểm thất nghiệp	1%	1%	<b>2%</b>
<b>Tổng</b>	<b>21,5%</b>	<b>10,5%</b>	<b>32%</b>

Cụ thể, trong khoản trích BHXH là 17,5% trích vào chi phí của doanh nghiệp thì trong đó: Trích 14% vào quỹ hưu trí và tử tuất, 3% vào quỹ ốm đau và thai sản, 0,5% vào quỹ bảo hiểm tai nạn lao động và bệnh nghề nghiệp.

## **1.2. Kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương**

### **1.2.1. Nhiệm vụ kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương**

Tiền lương và các khoản trích theo lương của người lao động không chỉ là vấn đề quan tâm riêng của công nhân viên mà còn là vấn đề doanh nghiệp đặc biệt chú ý, vì liên quan tới chi phí hoạt động của doanh nghiệp nói chung và giá thành của doanh nghiệp nói riêng.

Kế toán tiền lương là người chịu trách nhiệm hạch toán tiền lương người lao động dựa theo các yếu tố: Bảng chấm công, hợp đồng lao động, phụ cấp, bảng theo dõi tăng ca... Bên cạnh đó còn đảm bảo cân bằng giữa chi phí lương cho nhân viên và chi phí của doanh nghiệp

Kế toán tiền lương và bảo hiểm ở doanh nghiệp phải thực hiện nhiệm vụ cơ bản sau đây:

- Tổ chức ghi chép, phản ánh đầy đủ, chính xác thời gian và kết quả của công nhân viên, tính đúng và thanh toán đầy đủ, kịp thời tiền lương và các khoản liên quan khác cho công nhân viên. Quản lý chặt chẽ việc sử dụng, chi quỹ lương.

- Tính toán và phân bổ hợp lý, chính xác chi phí tiền lương (tiền công) và các khoản trích BHXH, BHYT, KPCĐ cho các đối tượng sử dụng liên quan.

- Định kỳ tiến hành phân tích tình hình lao động, tình hình quản lý và chi tiêu quỹ lương. Cung cấp các thông tin kinh tế cần thiết cho bộ phận liên quan.

## **1.2.2. Kế toán tiền lương**

### **1.2.2.1. Chứng từ và tài khoản sử dụng**

#### **\* Chứng từ kế toán**

- Bảng chấm công
- Bảng phụ cấp, trợ cấp
- Bảng thanh toán lương
- Bảng phân bổ tiền lương và bảo hiểm xã hội

#### **\* Tài khoản sử dụng**

##### ***Tài khoản 334: Phải trả người lao động***

Tài khoản này dùng để phản ánh các khoản phải trả và tình hình thanh toán lương cho người lao động của doanh nghiệp về tiền lương, tiền công, tiền thưởng, BHXH và các khoản phải trả khác thuộc về thu nhập của người lao động.

Tài khoản 334 có 2 tài khoản cấp 2:

- *Tài khoản 3341 – Phải trả công nhân viên*: Phản ánh các khoản phải trả và tình hình thanh toán các khoản phải trả cho công nhân viên của doanh nghiệp về tiền lương, tiền thưởng có tính chất lương, bảo hiểm xã hội và các khoản phải trả khác thuộc về thu nhập của công nhân viên.

- *Tài khoản 3348 – Phải trả người lao động khác*: Phản ánh các khoản phải trả và tình hình thanh toán các khoản phải trả cho người lao động khác ngoài công nhân viên của doanh nghiệp về tiền công, tiền thưởng (nếu có) có tính chất về tiền công và các khoản khác thuộc về thu nhập của người lao động.

### Biểu 1.4. Kết cấu TK 334

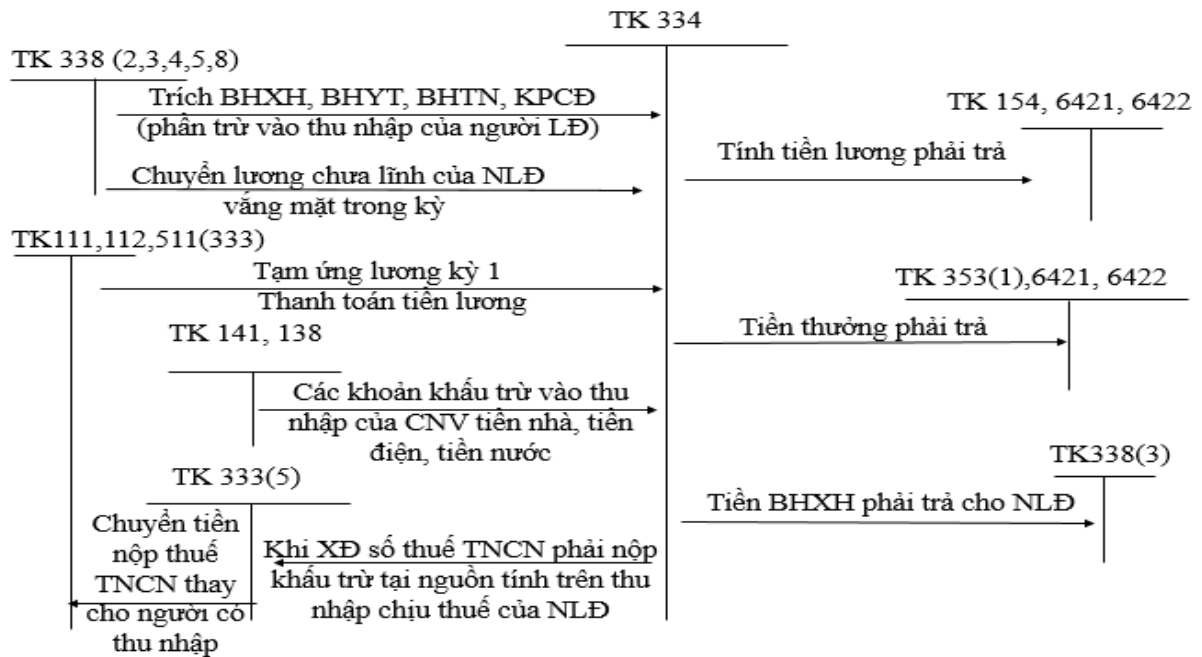
Nợ	TK 334	Có
	<b>SDDK:</b> Tiền lương, tiền công, BHXH và các khoản khác còn phải trả người lao động.	
<ul style="list-style-type: none"><li>- Các khoản tiền lương, tiền công, tiền thưởng, BHXH và các khoản đã trả, đã chi, tạm ứng trước cho người lao động.</li><li>- Các khoản khấu trừ vào lương của người lao động.</li></ul>	<ul style="list-style-type: none"><li>- Các khoản tiền lương, tiền công, tiền thưởng, BHXH và các khoản khác phải trả, phải chi cho người lao động phát sinh trong kỳ.</li></ul>	
	<b>SDCK:</b> Các khoản tiền lương, tiền công, tiền thưởng và các khoản khác còn phải trả cho người lao động.	

#### 1.2.2.2. Sổ kế toán

- Sổ nhật ký chung
- Sổ cái TK 334

#### 1.2.2.3. Phương pháp hạch toán

## Sơ đồ 1.1. Sơ đồ kế toán tổng hợp tiền lương



### 1.2.3. Kế toán các khoản trích theo lương

#### 1.2.3.1. Chứng từ và tài khoản sử dụng

##### \* Chứng từ kế toán

- Bảng chấm công
- Bảng thanh toán lương
- Bảng phân bổ tiền lương và bảo hiểm xã hội

##### \* Tài khoản sử dụng

##### **Tài khoản 338: Phải trả, phải nộp khác**

Tài khoản này dùng để phản ánh tình hình thanh toán về các khoản phải trả, phải nộp ngoài nội dung phản ánh ở các tài khoản khác (từ TK 331 đến TK 336), tài khoản này còn phản ánh các khoản thu nhập trước và cung cấp lao vụ, dịch vụ cho khách hàng.

Các tài khoản cấp 2 dùng để hạch toán các khoản trích theo lương:

- Tài khoản 3382: Kinh phí công đoàn
- Tài khoản 3383: Bảo hiểm xã hội
- Tài khoản 3384: Bảo hiểm y tế
- Tài khoản 3385: Bảo hiểm thất nghiệp

## Biểu 1.5. Kết cấu TK 338

### Kết cấu TK 338 (TK 3382, 3383, 3384, 3385)

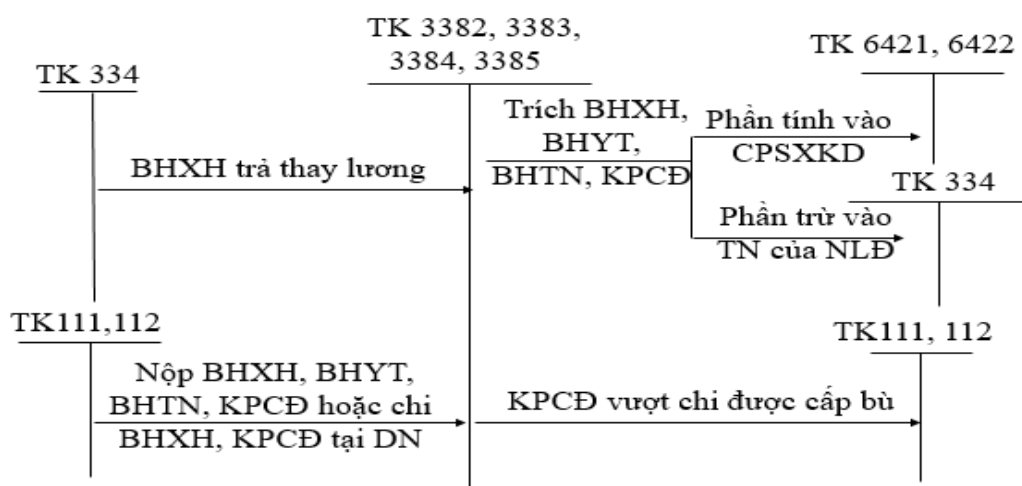
Nợ	TK 338 (3382, 3383, 3384, 3385)	Có
	<b>SDDK:</b> BHXH, BHYT, KPCĐ, BHTN đã trích chưa nộp cho cơ quan quản lý hoặc KPCĐ được để lại cho đơn vị chi chưa hết.	
<ul style="list-style-type: none"><li>- BHXH trả cho CNV</li><li>- KPCĐ chi tại đơn vị</li><li>- Số BHXH, BHYT, KPCĐ, BHTN đã nộp cho cơ quan Nhà nước.</li></ul>	<ul style="list-style-type: none"><li>- Trích BHXH, BHYT, KPCĐ, BHTN tính vào chi phí sản xuất kinh doanh.</li><li>- BHXH, BHYT, KPCĐ, BHTN khấu trừ vào lương CNV.</li><li>- KPCĐ vượt chi được cấp bù.</li><li>- Số BHXH đã chi trả CNV khi được cơ quan Bảo hiểm thanh toán.</li></ul>	
	<b>SDCK:</b> BHXH, BHYT, KPCĐ, BHTN đã trích chưa nộp cho cơ quan quản lý hoặc KPCĐ được để lại cho đơn vị chi chưa hết.	

#### 1.2.3.2. Sổ kế toán

- Sổ chi tiết tài khoản
- Nhật ký chung
- Sổ cái TK 338

#### 1.2.3.3. Phương pháp hạch toán

## Sơ đồ 1.2. Sơ đồ kế toán các khoản trích theo lương



### 1.2.4. Các thủ tục chứng từ thanh toán lương

- Bảng chấm công
- Phiếu xác nhận sản phẩm hoặc khối lượng công việc hoàn thành
- Hợp đồng lao động
- Bảng thanh toán tiền lương và BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ
- Lập đề nghị thanh toán tạm lương
- Bảng tạm ứng lương
- Báo cáo quyết toán thuế TNCN
- Bảng thanh toán tiền thưởng
- Các quyết định thôi việc, chấm dứt hợp đồng
- Các hồ sơ giấy tờ khác liên quan

### 1.3. Hình thức ghi sổ

Công tác kế toán trong một đơn vị thường nhiều và phức tạp, không chỉ thể hiện ở số lượng các phần hành kế toán cần thiết. Do vậy cần phải sử dụng nhiều loại sổ sách khác nhau cả về phương pháp và kết cấu nội dung hạch toán, tạo thành một hệ thống sổ sách kế toán.

Các loại sổ sách kế toán này được liên hệ với nhau một cách chặt chẽ theo trình tự hạch toán của mỗi phần hành. Các doanh nghiệp khác nhau về loại hình, quy mô, điều kiện kinh tế sẽ hình thành một hình thức sổ sách khác nhau.

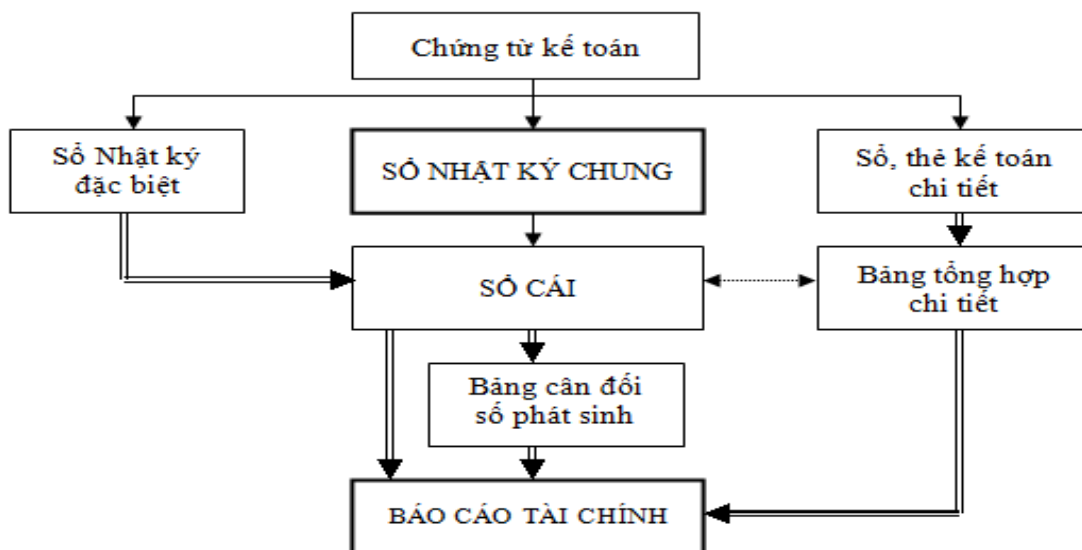
#### 1.3.1. Hình thức Nhật ký chung

- *Đặc điểm:* Tất cả các nghiệp vụ kinh tế, tài chính phát sinh đều phải

được ghi vào sổ Nhật ký, đặc biệt là sổ Nhật ký chung, theo trình tự thời gian phát sinh và theo nội dung kinh tế của nghiệp vụ đó. Sau đó, lấy số liệu trên các sổ Nhật ký để ghi sổ cái theo từng nghiệp vụ phát sinh.

- Các loại sổ: Sổ nhật ký chung; Sổ cái; Các sổ, thẻ kế toán chi tiết.

### Sơ đồ 1.3. Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Nhật ký chung



**Ghi chú:**

- Ghi hàng ngày →
- Ghi cuối tháng, hoặc định kỳ ==>
- Quan hệ đối chiếu, kiểm tra <-.->

#### 1.3.2. Hình thức Chứng từ ghi sổ

- **Đặc điểm:** Căn cứ trực tiếp để ghi sổ kế toán tổng hợp là chứng từ ghi sổ. Việc ghi sổ kế toán tổng hợp bao gồm:

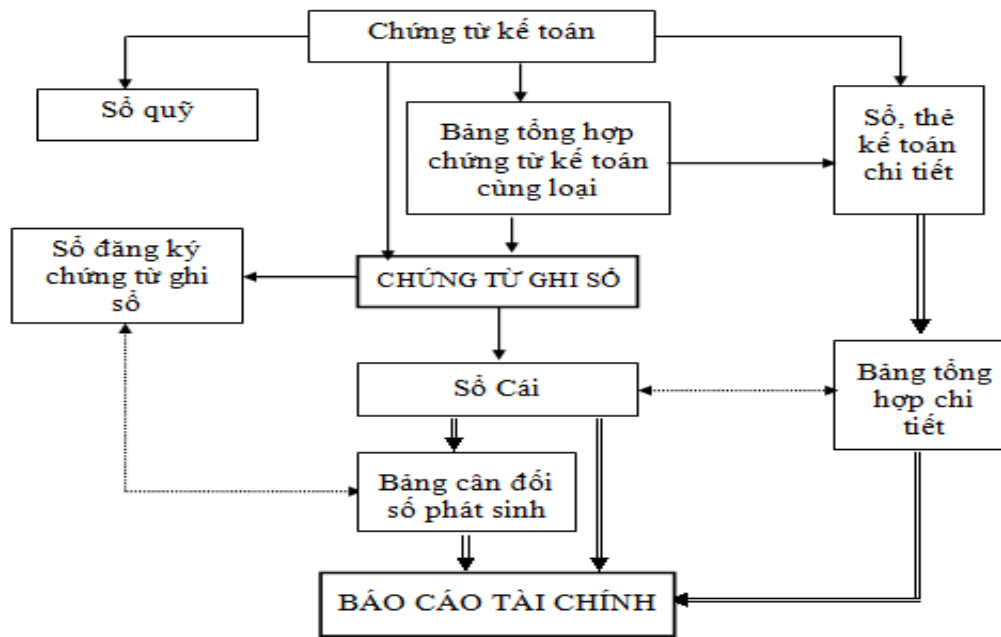
- + Ghi theo trình tự thời gian trên sổ Đăng ký Chứng từ ghi sổ;
- + Ghi theo nội dung kinh tế trên Sổ Cái.

Chứng từ ghi sổ do kế toán lập trên cơ sở từng chứng từ kế toán hoặc Bảng tổng hợp chứng từ kế toán cùng loại, có cùng nội dung kinh tế.

Chứng từ ghi sổ được đánh số hiệu liên tục trong từng tháng hoặc cả năm và có chứng từ kế toán đính kèm, phải được kế toán trưởng duyệt trước khi ghi sổ kế toán.

- Các loại sổ: Chứng từ ghi sổ; Sổ đăng ký chứng từ ghi sổ; Sổ cái; Các sổ, thẻ kế toán chi tiết.

**Sơ đồ 1.4. Trình tự ghi sổ kế toán theo hình thức Chứng từ ghi sổ**



**Ghi chú:**

- Ghi hàng ngày  →
- Ghi cuối tháng  →
- Đối chiếu, kiểm tra  ↔



## **Chương 2**

# **THỰC TRẠNG KẾ TOÁN TIỀN LƯƠNG VÀ CÁC KHOẢN TRÍCH THEO LƯƠNG TẠI CÔNG TY TNHH VẬN TẢI VÀ THƯƠNG MẠI XUÂN VINH**

### **2.1. Tổng quan về Công ty TNHH Vận tải và Thương mại Xuân Vinh**

#### **2.1.1. Lịch sử hình thành và phát triển của Công ty**

Công ty TNHH Vận tải và Thương mại Xuân Vinh được thành lập ngày 20/9/2016

Tên doanh nghiệp: Công ty TNHH Vận tải và Thương mại Xuân Vinh

Địa chỉ: Thôn I, Xã Phú Long, Huyện Nho Quan, Tỉnh Ninh Bình, Việt Nam

Điện thoại: 0988 163 413

Quản lý bởi: Chi cục Thuế khu vực Nho Quan – Gia Viễn

Mã số thuế: 2700827060

Lĩnh vực kinh doanh: Vật liệu xây dựng

Công ty TNHH Vận tải và Thương mại Xuân Vinh do ông Nguyễn Xuân Thiệp làm người đại diện theo pháp luật. Công ty được tổ chức và hoạt động theo mô hình Công ty TNHH một thành viên theo quy định của Luật doanh nghiệp và hệ thống pháp luật hiện hành của nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

Những năm đầu xây dựng và phát triển Công ty gặp nhiều khó khăn trong việc tìm kiếm thị trường tiêu thụ, khách hàng chủ yếu trong phạm vi tỉnh Ninh Bình. Bên cạnh đó là giá cả vật tư leo thang theo giá thị trường, trang thiết bị còn hạn chế, phát sinh nhiều chi phí. Sau đó, Công ty đã dần khắc phục được những khó khăn và từng bước phát triển, phục vụ nhu cầu của người tiêu dùng. Công ty TNHH Vận tải và Thương mại Xuân Vinh là một Công ty hạch toán kinh tế độc lập, tự chủ về tài chính, có tư cách pháp nhân.

Với tinh thần vươn lên và ý chí quyết tâm giúp cho Công ty ngày một lớn mạnh, không ngừng nỗ lực phấn đấu để mở rộng thị trường tiêu thụ, từ một

doanh nghiệp nhỏ đã phát triển thành một Công ty có sức tiêu thụ lớn, góp phần quan trọng trong sự phát triển kinh tế của tỉnh Ninh Bình.

Công ty không ngừng mở rộng thị trường tiêu thụ trong và ngoài tỉnh, mở rộng quy mô kinh doanh, nhờ đó tình hình kinh doanh và vận tải của công ty ngày càng phát triển và đạt được những thành tựu đáng ghi nhận. Bên cạnh đó, Công ty luôn chấp hành đúng mọi quy định của pháp luật, nghĩa vụ với Nhà nước, giải quyết công ăn việc làm cho người lao động.

**\* Tình hình tài chính và kết quả kinh doanh của Công ty**

Với chiến lược kinh doanh năng động và hợp lý, Công ty đã tạo được cho mình chỗ đứng trên thị trường cung cấp vật liệu xây dựng và đạt được một số kết quả nhất định. Dưới đây là một số chỉ tiêu phản ánh tình hình tài chính và kết quả kinh doanh của Công ty trong 3 năm gần đây.

**Tình hình tài chính và kết quả kinh doanh của Công ty trong ba năm 2020, 2021, 2022**

*DVT: VNĐ*

Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2021	Năm 2022	So sánh			
				Chênh lệch năm 2021 với năm 2020		Chênh lệch năm 2022 với năm 2021	
				Số tuyệt đối	Số tương đối (%)	Số tuyệt đối	Số tương đối (%)
<b>1. Tổng tài sản</b>	9.287.684.145	11.550.960.686	17.997.622.976	2.263.276.541	6.446.662.290	124,37	155,81
<b>2. Tổng nợ phải trả</b>	7.606.380.866	11.053.731.753	19.093.552.157	3.447.350.887	8.039.820.404	145,32	172,73
<b>3. Vốn chủ sở hữu</b>	1.681.303.279	497.228.933	(1.095.929.181)	(1.184.074.346)	(1.593.158.114)	29,57	(220,41)
<b>4. Doanh thu bán hàng</b>	11.774.553.442	16.579.686.888	22.292.334.187	4.805.133.446	5.712.647.299	140,81	134,46
<b>5. Giá vốn hàng bán</b>	10.306.456.658	15.503.621.953	20.610.815.509	5.197.165.295	5.107.193.556	150,43	132,94
<b>6. Chi phí quản lý doanh nghiệp</b>	1.696.649.509	981.394.631	891.359.675	(715.254.878)	(90.034.956)	57,84	90,83
<b>7. Lợi nhuận thuần</b>	(228.552.725)	94.670.304	790.159.003	323.223.029	695.488.699	(41,42)	834,64

*Nguồn: Phòng kế toán của Công ty*

Với chiến lược kinh doanh năng động và hợp lý, Công ty đã tạo được cho mình chỗ đứng trên thị trường cung cấp vật liệu xây dựng và đạt được một số kết quả nhất định. Từ bảng trên, thấy được tình hình tài chính của Công ty TNHH Vận tải và Thương mại Xuân Vinh giai đoạn 2020 – 2022 có nhiều sự biến động. Cụ thể:

- Tổng giá trị tài sản của Công ty năm 2021 tăng 2.263.276.541 VNĐ so với năm 2020 tương ứng 124,37%; Năm 2022 tăng 6.446.662.290 VNĐ so với năm 2021 tương ứng với mức tăng là 155.81%.

- Tổng nợ phải trả của Công ty năm 2021 tăng 3.447.350.887 VNĐ so với năm 2020 tương ứng với 145.32%; Năm 2022 tăng 8.039.820.404 VNĐ so với năm 2021 tương ứng với mức tăng là 172.73%.

- Vốn chủ sở hữu của Công ty năm 2021 giảm đi so với năm 2020 là 29.57% tương đương mức giảm là 1.184.074.346 VNĐ, năm 2022 vốn chủ sở hữu của Công ty là 1.593.158.114 VNĐ giảm 220.41% so với năm 2021.

- Doanh thu của Công ty đều không ngừng tăng qua các năm. Cụ thể, năm 2020 ghi nhận sự tăng giá ở một số mặt hàng như sắt và xi măng, tuy nhiên do ảnh hưởng của dịch Covid-19 nên doanh thu chỉ đạt được 11.774.553.442 VNĐ thấp hơn so với năm 2021. Năm 2022, nền kinh tế đất nước ổn định trở lại và đang trên đà phát triển nên doanh thu của Công ty năm 2022 so với năm 2021 tăng 5.712.647.299 VNĐ tương ứng với mức tăng là 134.46%.

- Doanh thu bán hàng tăng đồng nghĩa với giá vốn hàng bán tăng. Năm 2021 tăng 5.107.193.556 VNĐ so với năm 2020 tương đương 150.43%. Năm 2022, giá vốn hàng bán tăng 132.94% so với năm 2021.

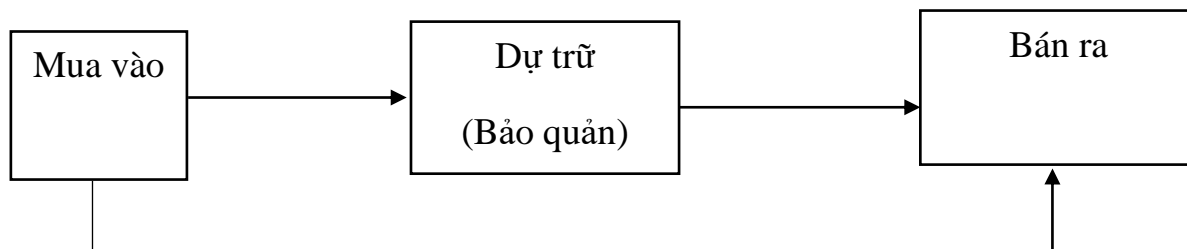
- Trong quá trình hoạt động, Công ty gặp nhiều khó khăn và thách thức nên ảnh hưởng khá nhiều tới lợi nhuận. Cụ thể, do gặp khó khăn vì đại dịch Covid-19 nên chi phí quản lý doanh nghiệp năm 2020 cao đạt 1.696.649.509 VNĐ nhưng đến năm 2021-2022 thì chi phí của Công ty có xu hướng giảm dần. Vì vậy, lợi nhuận thuần năm 2021 tăng 323.223.029 VNĐ so với năm 2020, lợi nhuận thuần năm 2022 tăng 695.488.699 VNĐ so với năm 2021.

### **2.1.2. Đặc điểm sản xuất kinh doanh của Công ty**

Với đặc điểm là một Công ty hoạt động theo hình thức vận tải và thương mại, hoạt động kinh doanh chủ yếu là mua vào - bán ra nên công tác tổ chức

kinh doanh là tổ chức quy trình luân chuyển hàng hóa. Quy trình luân chuyển hàng hóa của Công ty được thể hiện qua sơ đồ sau:

**Sơ đồ 2.1. Quy trình luân chuyển hàng hóa tại Công ty TNHH Vận tải và Thương mại Xuân Vinh**



Công ty luôn tìm kiếm những nguồn cung cấp uy tín về vật liệu xây dựng trên thị trường để đến tay người tiêu dùng được đảm bảo tốt nhất về mặt chất lượng. Bên cạnh đó, Công ty luôn đưa ra thị trường sản phẩm với giá cả hợp lý. Điều này thể hiện sự quan tâm đến khách hàng của Công ty một cách an toàn và có hiệu quả.

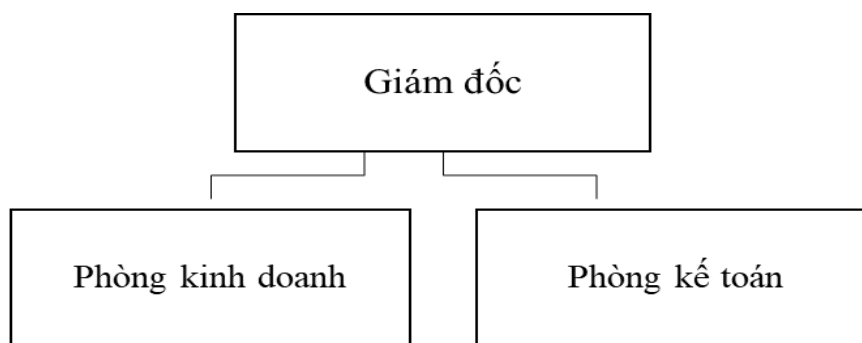
**2.1.3. Cơ cấu, tổ chức quản lý của Công ty**

**2.1.3.1. Cơ cấu tổ chức và hoạt động**

**\* Cơ cấu tổ chức tại Công ty**

Bộ máy quản lý của Công ty TNHH Vận tải và Thương mại Xuân Vinh được tổ chức với một cơ cấu gọn nhẹ, logic, khoa học và phù hợp. Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty được thể hiện trên sơ đồ sau:

**Sơ đồ 2.2. Tổ chức bộ máy quản lý của Công ty**



*Nguồn: Công ty TNHH Vận tải và Thương mại Xuân Vinh*

**\* Cơ cấu lao động tại Công ty**

Để hạch toán lao động, trước hết kế toán phải nắm bắt được số lượng lao động toàn Công ty tại các phòng ban, phân xưởng, đồng thời phản ánh kịp thời chính xác tình hình sử dụng lao động, kiểm tra việc chấp hành kỷ luật lao động.

Tính tới ngày 31/12 Công ty có tất cả 11 lao động. Cơ cấu lao động và chất lượng lao động được thể hiện qua bảng sau:

**Biểu 2.1. Cơ cấu lao động tại Công ty**

Chỉ tiêu	Tổng số lao động	Giới tính		Độ tuổi		Trình độ		
		Nam	Nữ	18 – 30 tuổi	≥ 30	Đại học	Cao đẳng	Phổ thông
Số người	11	7	4	3	8	1	-	10
Tỉ trọng (%)	100	63,6	36,4	27,3	72,8	9,1	-	90,9

*Nguồn: Phòng kế toán của Công ty*

*Cơ cấu về giới tính:*

Lao động nam chiếm đa số, có 7 người chiếm 63,6%. Tỷ lệ này là hợp lý vì Công ty hoạt động trong lĩnh vực vật liệu xây dựng đòi hỏi sự khỏe mạnh, chịu được vất vả. Lao động nữ có 4 người chiếm 36,4% chủ yếu là nhân viên làm việc tại văn phòng.

*Cơ cấu về độ tuổi:*

Lao động trẻ độ tuổi từ 18 - 30 chiếm 27,3%, đây là lực lượng lao động có sức khỏe tốt, khả năng ứng dụng và đổi mới nhanh nhạy và linh hoạt trong công việc. Lao động trong độ tuổi ≥ 30 chiếm tỷ trọng 72,8%, là lực lượng lao động ổn định, sức lao động dẻo dai và nhiều kinh nghiệm.

*Cơ cấu về trình độ:*

Trình độ lao động của người lao động phù hợp với doanh nghiệp. Lao động có trình độ Đại học chiếm 9,1%, lực lượng này chủ yếu làm công việc văn phòng và quản lý. Lao động phổ thông chiếm tỷ lệ 90,9% chủ yếu làm công việc bán hàng, vận chuyển.

## **\* Công tác quản lý lao động**

Công ty quản lý lao động tương đối chặt chẽ, việc sử dụng lao động ở Công ty được thực hiện theo đúng quy định và đảm bảo các chế độ theo luật lao động và hợp đồng lao động.

### **2.1.3.2. Chức năng, nhiệm vụ của các bộ phận**

- *Giám đốc*: Là người lãnh đạo cao nhất, điều hành quản lý chung, chỉ đạo các mặt kế hoạch, tiêu thụ sản phẩm, tổ chức lao động toàn Công ty, chịu trách nhiệm trước pháp luật về mọi hoạt động, kết quả kinh doanh của Công ty.

- *Phòng kinh doanh*: Có nhiệm vụ thực hiện các giao dịch mua bán hàng hóa. Trực tiếp chỉ đạo công tác bán hàng tại kho hàng và phân công công việc cho nhân viên. Báo cáo, tư vấn cho giám đốc các vấn đề liên quan đến tài chính của doanh nghiệp.

- *Phòng kế toán*: Chịu trách nhiệm phản ánh các nghiệp vụ kinh tế phát sinh vào sổ kế toán, cập nhật, chấp hành các chính sách, pháp luật của Nhà nước về tài chính – kế toán. Là phòng ban tham mưu cho giám đốc Công ty về công tác tài chính kế toán.

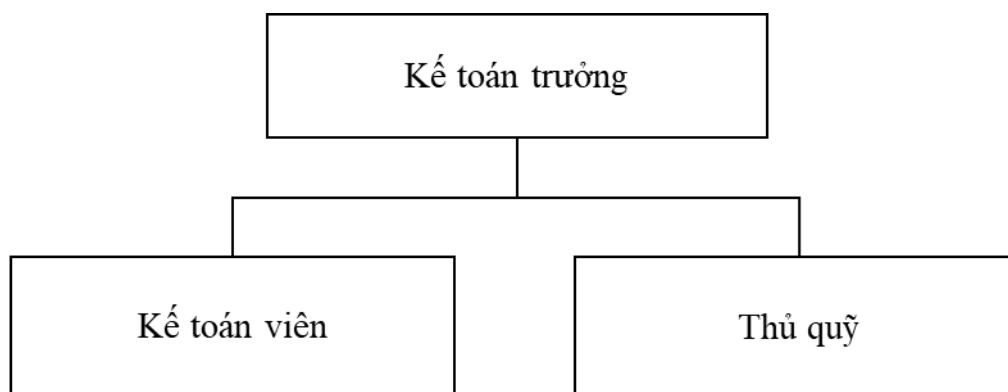
Dưới sự chỉ đạo của ban lãnh đạo, cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý gọn nhẹ, liên kết với nhau chặt chẽ phù hợp với đặc điểm hoạt động của Công ty. Trong những năm qua, bộ máy quản lý của Công ty đã đưa ra những quyết định mang tính chiến lược góp phần không nhỏ vào sự phát triển của Công ty.

### **2.1.4. Bộ máy kế toán của Công ty**

Công ty TNHH Vận tải và Thương mại Xuân Vinh đã nỗ lực phấn đấu không ngừng để từ một doanh nghiệp nhỏ và vừa, kinh doanh tập trung trên một địa bàn đã trở thành Công ty có mức tiêu thụ lớn trong tỉnh. Công ty vẫn luôn giữ vững và phát triển mô hình đã có sẵn, áp dụng mô hình kế toán theo hình thức tập trung.

Mô hình kế toán tập trung được hiểu là toàn bộ công việc của kế toán đều được tập trung tại phòng kế toán, không có bộ phận kế toán riêng biệt mà chỉ có nhân viên kế toán làm nhiệm vụ hướng dẫn, thực hiện kế toán ban đầu, thu thập, kiểm tra chứng từ và lập báo cáo định kỳ.

### Sơ đồ 2.3. Tổ chức bộ máy kế toán của Công ty



*Nguồn: Phòng kế toán của Công ty*

#### \* Chức năng, nhiệm vụ của từng nhân viên

- *Kế toán trưởng*: Là người được bổ nhiệm đứng đầu phòng tài chính kế toán chịu trách nhiệm trước giám đốc Công ty, các cơ quan Nhà nước có thẩm quyền về những thông tin kế toán cung cấp.

+ Kiểm tra, giám sát các nghiệp vụ thu chi, thanh toán nợ. Kiểm tra việc quản lý, sử dụng tài sản tại đơn vị.

+ Phát hiện và ngăn ngừa các hành vi vi phạm pháp luật về tài chính kế toán, phân tích thông tin, số liệu kế toán tại đơn vị.

+ Tham mưu, đề xuất các giải pháp phục vụ yêu cầu quản trị và quyết định kinh tế, tài chính đơn vị.

- *Kế toán viên*: Kiểm tra, đối chiếu số liệu giữa các đơn vị nội bộ, dữ liệu chi tiết và tổng hợp, các định khoản nghiệp vụ kinh tế phát sinh, sự cân đối giữa số liệu kế toán chi tiết và tổng hợp.

+ Lập báo cáo tài chính theo năm và các báo cáo giải trình chi tiết.

+ Cung cấp số liệu cho ban giám đốc hoặc các đơn vị chức năng khi có yêu cầu.

+ Lưu trữ dữ liệu kế toán theo quy định.

- *Thủ quỹ*: Thực hiện thu, chi tiền mặt đúng chính sách trong phạm vi trách nhiệm của người thủ quỹ. Hạch toán chính xác, đầy đủ các nghiệp vụ liên quan đến quỹ tiền mặt, làm các báo cáo chính xác và đầy đủ về quỹ tiền mặt.

#### 2.1.5. Chế độ kế toán

##### \* Chính sách chung tại Công ty

- *Chế độ kế toán*: Công ty áp dụng chế độ kế toán cho doanh nghiệp ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT – BTC ngày 26/08/2016 của Bộ Tài chính



và hệ thống chuẩn mực kế toán Việt Nam, các quy định về sửa đổi, bổ sung có liên quan của Bộ Tài chính.

- *Niên độ kế toán*: Được tính theo năm dương lịch, bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

- *Đơn vị tiền tệ sử dụng*: Công ty thực hiện ghi sổ và lập báo cáo bằng tiền Việt Nam đồng.

- *Phương pháp tính thuế GTGT*: Công ty thực hiện kê khai và nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ.

- *Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho*: Trị giá hàng tồn kho được tính theo giá gốc. Hạch toán hàng tồn kho theo phương pháp kê khai thường xuyên.

- *Nguyên tắc ghi nhận hàng xuất kho*: Trị giá hàng xuất kho được tính theo phương pháp nhập trước – xuất trước.

- *Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao TSCĐ*: TSCĐ hữu hình và TSCĐ vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng TSCĐ được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

#### **\* Tổ chức hệ thống tài khoản kế toán**

Đề phù hợp với đặc điểm của kinh doanh vận tải, thương mại và chế độ kế toán theo Thông tư 133/2016/TT-BTC ngày 26/08/2016 của Bộ Tài Chính, kế toán đã sử dụng một số tài khoản chủ yếu sau để hạch toán.

- Loại TK 1 - Tài sản ngắn hạn : TK 111, TK 112, TK 131, TK 133, TK 138, TK 141, TK 152, TK 153, TK 154, TK 156

- Loại TK 2 - Tài sản dài hạn : TK 211, TK 214

- Loại TK 3 - Nợ phải trả : TK 331, TK 333, TK 334, TK 338

- Loại TK 4 - Nguồn vốn : TK 411, TK 421

- Loại TK 5 - Doanh thu : TK 511, TK 515

- Loại TK 6 - Chi phí sản xuất, kinh doanh: TK 632, 642

- Loại TK 7 - Thu nhập khác: TK 711

- Loại TK 8 - Chi phí khác: TK 811, TK 821

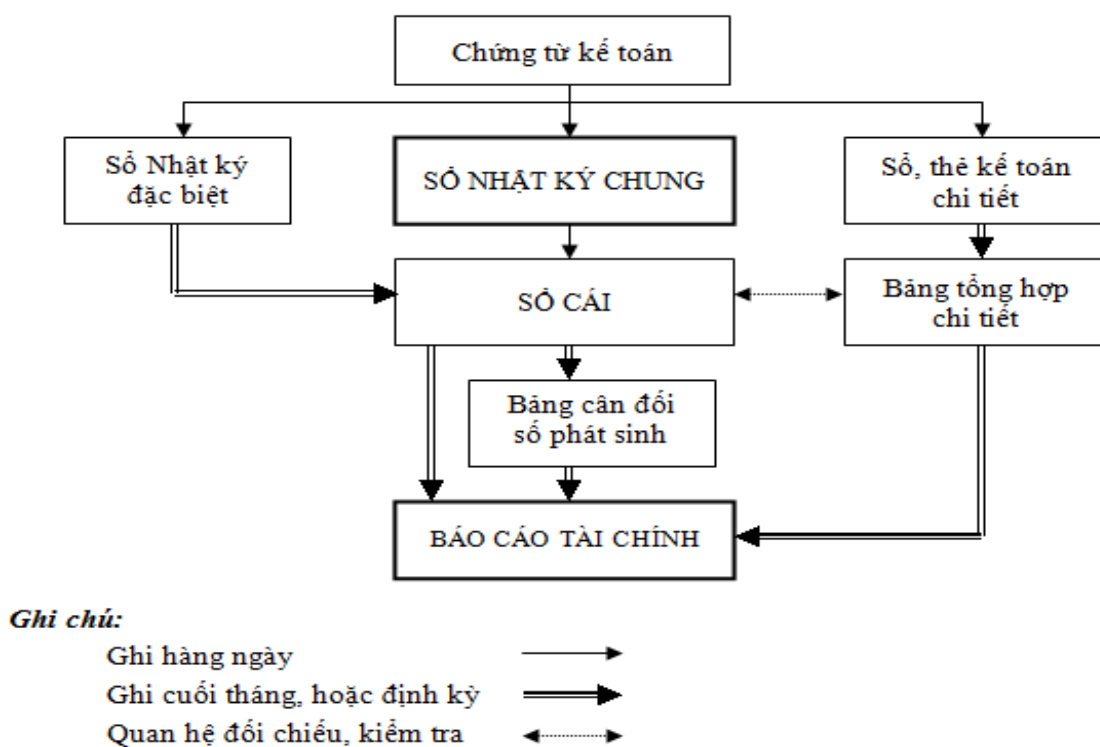
- Loại TK 9 - Xác định kết quả kinh doanh: TK 911

- Hệ thống TK cấp 2 được thiết kế trên cơ sở TK cấp 1 với mục đích quản lý và hạch toán cho thuận tiện.

#### **\* Tổ chức hệ thống sổ sách kế toán tại Công ty**

- *Hình thức ghi sổ kế toán*: Nhật ký chung

## Sơ đồ 2.4. Trình tự ghi sổ kế toán tại Công ty



Nguồn: Phòng kế toán của Công ty

- Hàng ngày, căn cứ vào các chứng từ đã kiểm tra được dùng làm căn cứ ghi sổ, trước hết ghi nghiệp vụ phát sinh vào sổ Nhật ký chung, sau đó căn cứ số liệu đã ghi trên sổ Nhật ký chung để ghi vào Sổ Cái theo các tài khoản kế toán phù hợp. Đồng thời với việc ghi sổ Nhật ký chung, các nghiệp vụ phát sinh được ghi vào các sổ, thẻ kế toán chi tiết liên quan.

- Cuối tháng, cuối quý, cuối năm, cộng số liệu trên Sổ Cái, lập Bảng cân đối tài khoản. Sau khi đã kiểm tra đối chiếu khớp đúng, số liệu ghi trên Sổ Cái và bảng tổng hợp chi tiết (được lập từ các Sổ, thẻ kế toán chi tiết) được dùng để lập các Báo cáo tài chính. Về nguyên tắc, Tổng số phát sinh Nợ và Tổng số phát sinh Có trên Bảng cân đối tài khoản phải bằng Tổng số phát sinh Nợ và Tổng số phát sinh Có trên sổ Nhật ký chung.

Sau khi đối chiếu khớp đúng số liệu ghi trên Sổ Cái và Bảng Tổng hợp chi tiết (được lập từ các sổ, thẻ kế toán chi tiết), các sổ tổng hợp được dùng để lập Báo cáo tài chính.

Hệ thống Báo cáo tài chính của Công ty bao gồm:

- Bảng cân đối kế toán;

- Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- Báo cáo lưu chuyển tiền tệ;
- Thuyết minh báo cáo tài chính.

### **\* Trách nhiệm, thời hạn lập và gửi Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính là phương pháp tổng hợp số liệu từ các sổ kế toán theo các chỉ tiêu kinh tế - tài chính tổng hợp, phản ánh có hệ thống tình hình tài sản, nguồn hình thành tài sản của doanh nghiệp, tình hình và hiệu quả sản xuất kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình quản lý, sử dụng vốn... của doanh nghiệp trong một thời kỳ nhất định vào một hệ thống mẫu biểu quy định thống nhất.

Báo cáo tài chính bao gồm một hệ thống số liệu kinh tế - tài chính được tổng hợp và được lấy từ các sổ kế toán tổng hợp, các sổ kế toán chi tiết và những thuyết minh cần thiết bằng văn bản về những số liệu đó. Báo cáo tài chính là phương pháp quan trọng để truyền tải thông tin kế toán tài chính đến người ra quyết định, đó là những thông tin công khai về tài sản, kết quả hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, ... phục vụ cho các đối tượng bên trong và bên ngoài doanh nghiệp.

Việc lập và trình bày báo cáo tài chính doanh nghiệp phải tuân thủ yêu cầu: trung thực, hợp lý, chính sách kế toán phải phù hợp với quy định của chuẩn mực kế toán, việc trình bày phải trung thực hợp lý tình hình tài chính và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, phản ánh đúng bản chất kinh tế các nghiệp vụ phát sinh, trình bày phải khách quan, đầy đủ trên mọi khía cạnh và phải tuân thủ nguyên tắc thận trọng.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính của Công ty được áp dụng theo các nguyên tắc: nguyên tắc cơ sở dồn tích, nguyên tắc nhất quán, tính trọng yếu, nguyên tắc có thể so sánh được.

## **2.2. Thực trạng kế toán tiền lương tại Công ty TNHH Vận tải và Thương mại Xuân Vinh**

### **2.2.1. Chứng từ ghi sổ**

#### **Chứng từ kế toán sử dụng tại Công ty**

- Bảng chấm công
- Bảng thanh toán tiền lương

- Bảng thanh toán tiền thưởng

### 2.2.2. Tài khoản sử dụng

#### *Tài khoản 334: Phải trả người lao động*

Tài khoản 334 có 2 tài khoản cấp 2:

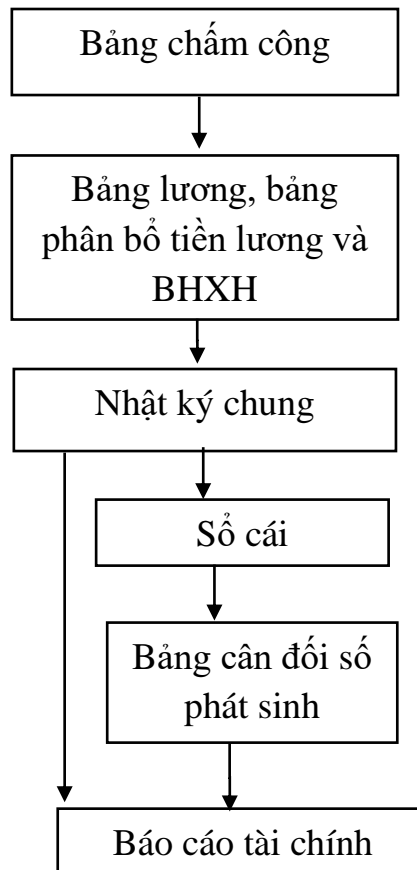
- Tài khoản 3341 – Phải trả công nhân viên
- Tài khoản 3348 – Phải trả người lao động khác

### 2.3.2. Quy trình ghi sổ

#### \* Sổ sách sử dụng tại Công ty

- Sổ nhật ký chung
- Sổ cái TK 334

#### Sơ đồ 2.5. Trình tự ghi sổ kế toán tiền lương tại Công ty



**Biểu 2.2. Bảng chấm công tháng 12/2022**

**Công ty TNHH Vận Tải và Thương mại Xuân Vinh**

**Địa chỉ: Thôn I, Xã Phú Long, Huyện Nho Quan, Tỉnh Ninh Bình**

**BẢNG CHẤM CÔNG**

**Tháng 12 năm 2022**

STT	Họ và tên	Chức vụ	Ngày công trong tháng																												Công thời gian	Công hưởng 100%	Công quy đổi			
			1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25	26	27	28				29	30	31
			T4	T5	T6	T7	CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7	CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7	CN	T2	T3	T4	T5	T6	T7	CN	T2	T3				T4	T5	T6
1	Nguyễn Xuân Thiếp	Giám đốc	x	x	x	x		x	x	x	x	x	x		x	x	x	x	x	x		x	x	x	x	x	x		x	x	x	x	x	27	0	27
2	Nguyễn Thị Thu	NV KT	x	x	x	x		x	x	x	x	x	x		x	x	x	x	x	x		x	x	x	x	x	x		x	x	x	x	x	27	0	27
3	Đình Quốc Toàn	NV BH	x	x	x	x		x	x	x	x	x	x		x	x	x	x	x	x		x	x	x	x	x	x		x	x	x	x	x	27	0	27
4	Nguyễn Quang Cảnh	NV BH	x	x	x	x		x	x	x	x	x	x		x	x	x	x	x	x		x	x	x	x	x	x		x	x	x	x	x	27	0	27
5	Nguyễn Xuân Quyền	NV BH	x	x	x	x		x	x	x	x	x	x		x	x	x	x	x	x		x	x	x	x	x	x		x	x	x	x	x	27	0	27
6	Nguyễn Xuân Hải	NV BH	x	x	x	x		x	x	x	x	x	x		x	x	x	x	x	x		x	x	x	x	x	x		x	x	x	x	x	27	0	27
7	Nguyễn Hồng Thêm	NV BH	x	x	x	x		x	x	x	x	x	x		x	x	x	x	x	x		x	x	x	x	x	x		x	x	x	x	x	27	0	27
8	Nguyễn Xuân Lực	NV BH	x	x	x	x		x	x	x	x	x	x		x	x	x	x	x	x		x	x	x	x	x	x		x	x	x	x	x	27	0	27
9	Đào Thị Thi	NV BH	x	x	x	x		x	x	x	x	x	x		x	x	x	x	x	x		x	x	x	x	x	x		x	x	x	x	x	27	0	27
10	Nguyễn Thị Yên	NV BH	x	x	x	x		x	x	x	x	x	x		x	x	x	x	x	x		x	x	x	x	x	x		x	x	x	x	x	27	0	27
11	Bùi Thị Đông	NV BH	x	x	x	x		x	x	x	x	x	x		x	x	x	x	x	x		x	x	x	x	x	x		x	x	x	x	x	27	0	27
	<b>Tổng cộng</b>		11	11	11	11		11	11	11	11	11	11		11	11	11	11	11	11		11	11	11	11	11	11		11	11	11	11	11	297	0	297

Ghi chú:

x: Công thời gian

Nguồn: Phòng kế toán của Công ty

Căn cứ vào bảng chấm công, kế toán tính được số ngày làm việc và các chỉ tiêu trên bảng thanh toán lương.

Thực lĩnh = Lương chính + Phụ cấp xăng xe + Trợ cấp – Các khoản giảm trừ

Trong đó: Các khoản giảm trừ: BHXH, BHYT, BHTN, thuế TNCN

Thuế TNCN = Thu nhập tính thuế TNCN \* Thuế suất

Thu nhập tính thuế TNCN	=	Thu nhập chịu thuế TNCN	-	Giảm trừ bản thân	-	Giảm trừ người phụ thuộc	-	BHXH, BHYT, BHTN	-	Các khoản đóng góp từ thiện, nhân đạo
-------------------------	---	-------------------------	---	-------------------	---	--------------------------	---	------------------	---	---------------------------------------

**\* Các khoản giảm trừ để tính thuế TNCN**

- Căn cứ vào Nghị quyết số 954/2020/UBTVQH14 ban hành ngày 02/06/2020 của Ủy Ban Thường Vụ Quốc Hội có hiệu lực từ ngày 01/07/2020 quy định:

- + Mức giảm trừ bản thân đối với người nộp thuế là 11.000.000đ/tháng.
- + Mức giảm trừ đối với người phụ thuộc là 4.400.000 đ/tháng.
- Các khoản bảo hiểm bắt buộc: BHXH, BHYT, BHTN.

**\* Thuế suất thuế TNCN**

**Biểu 2.3. Thuế suất thuế TNCN**

Bậc	Thu nhập tính thuế/ tháng	Thuế suất	Tính số thuế phải nộp	
			Cách 1	Cách 2
1	Đến 5 triệu đồng (trở)	5%	0 trở +5% TNTT	5% TNTT
2	Trên 5 trở đến 10 trở	10%	0,25 trở + 10% TNTT trên 5 trở	10% TNTT – 0,25 trở
3	Trên 10 trở đến 18 trở	15%	0,75 trở + 15% TNTT trên 10 trở	15% TNTT – 0,75 trở
4	Trên 18 trở đến 32 trở	20%	1,95 trở + 20% TNTT trên 18 trở	20% TNTT – 1,65 trở
5	Trên 32 trở đến 52 trở	25%	4,75 trở + 25% TNTT trên 32 trở	25% TNTT – 3,25 trở
6	Trên 52 trở đến 80 trở	30%	9,75 trở + 30% TNTT trên 52 trở	30% TNTT – 5,85 trở
7	Trên 80trở	35%	18,15 trở + 35% TNTT trên 80 trở	35% TNTT – 9,85 trở

Để phản ánh tiền lương phải trả cho người lao động, kế toán sử dụng Bảng thanh toán tiền lương.

**Biểu 2.4. Bảng thanh toán lương tháng 12/2022**

**Công ty TNHH Vận Tải và Thương mại Xuân Vinh**

**Địa chỉ: Thôn I, Xã Phú Long, Huyện Nho Quan, Tỉnh Ninh Bình**

**BẢNG THANH TOÁN LƯƠNG**

**Tháng 12 năm 2022**

STT	Họ và tên	Công quy đổi	Chức vụ	Lương hợp đồng	PC Xăng xe	Trợ cấp	Thu nhập chịu thuế TNCN	Giảm trừ bản thân	Giảm trừ người phụ thuộc	Thu nhập tính thuế TNCN	Các khoản khấu trừ					Thực lĩnh	Kỳ nhận
											BHXH (8%)	BHYT (1,5%)	BHTN (1%)	Thuế TNCN	Tổng cộng		
1	2	3	4	5	6	7	8=(5)+(6)	9	10	11=(8)-(9)-(10) (12)-(13)-(14)	12= Lương tính BH*8%	13= Lương tính BH*1,5%	14= Lương tính BH*1%	15=(11)+TS	16=(12)+(13)+ (14)+(15)	17=(5)+(6)+(7)- (16)	18
1	Nguyễn Xuân Thiệp	27	Giám đốc	40.000.000	2.500.000		42.500.000	11.000.000	4.400.000	26.758.750	260.000	48.750	32.500	3.701.750	4.043.000	38.457.000	
2	Nguyễn Thị Thu	27	NV KT	12.000.000	1.000.000		13.000.000	11.000.000	4.400.000		260.000	48.750	32.500		341.250	12.658.750	
3	Đình Quốc Toàn	27	NV BH	9.500.000	1.000.000		10.500.000	11.000.000			260.000	48.750	32.500		341.250	10.158.750	
4	Nguyễn Quang Cảnh	27	NV BH	9.500.000	1.000.000		10.500.000	11.000.000			260.000	48.750	32.500		341.250	10.158.750	
5	Nguyễn Xuân Quyên	27	NV BH	9.500.000	1.000.000		10.500.000	11.000.000			260.000	48.750	32.500		341.250	10.158.750	
6	Nguyễn Xuân Hải	27	NV BH	9.500.000	1.000.000		10.500.000	11.000.000			260.000	48.750	32.500		341.250	10.158.750	
7	Nguyễn Hồng Thêm	27	NV BH	9.500.000	1.000.000		10.500.000	11.000.000			260.000	48.750	32.500		341.250	10.158.750	
8	Nguyễn Xuân Lực	27	NV BH	9.500.000	1.000.000		10.500.000	11.000.000			260.000	48.750	32.500		341.250	10.158.750	
9	Đào Thị Thi	27	NV BH	9.500.000	1.000.000		10.500.000	11.000.000			260.000	48.750	32.500		341.250	10.158.750	
10	Nguyễn Thị Yên	27	NV BH	9.500.000	1.000.000		10.500.000	11.000.000			260.000	48.750	32.500		341.250	10.158.750	
11	Bùi Thị Đông	27	NV BH	9.500.000	1.000.000		10.500.000	11.000.000			260.000	48.750	32.500		341.250	10.158.750	
	<b>Tổng cộng</b>	<b>297</b>		<b>137.500.000</b>	<b>12.500.000</b>		<b>150.000.000</b>	<b>110.000.000</b>	<b>8.800.000</b>	<b>26.758.750</b>	<b>2.860.000</b>	<b>536.250</b>	<b>357.500</b>	<b>3.701.750</b>	<b>7.455.500</b>	<b>142.544.500</b>	

Ngày 31 tháng 12 năm 2022

**Người lập biểu**

(Ký, họ tên)

**Phụ trách bộ phận**

(Ký, họ tên)

**Kế toán trưởng**

(Ký, họ tên)

**Giám đốc**

(Ký, họ tên)

Nguồn: Phòng kế toán của Công ty

Qua tìm hiểu, Công ty không trả lương theo doanh thu mà chỉ trả theo lương thời gian. Đây là một hạn chế làm giảm đi sự hăng say, tích cực cống hiến trong công việc của người lao động.

Công ty áp dụng mức lương tính bảo hiểm để trích các khoản theo lương là phù hợp với các quy định do Nhà nước ban hành, cũng như phù hợp với tình hình hoạt động kinh doanh thực tế của Công ty. Trên thực tế, các khoản trích theo lương được tính theo mức lương tối thiểu vùng sẽ giúp cho doanh nghiệp giảm bớt được chi phí phát sinh.

Theo Danh mục địa bàn áp dụng mức lương tối thiểu vùng kèm theo Nghị định số 38/2022/NĐ-CP ngày 12/6/2022, Huyện Nho Quan thuộc tỉnh Ninh Bình nằm ở vùng IV. Như vậy, Công ty TNHH Vận tải và Thương mại Xuân Vinh nên áp dụng mức lương đóng BHXH là 3.250.000 đồng/tháng.

*Ví dụ 1:* Tính tiền lương phải trả cho ông Nguyễn Xuân Thiếp, chức vụ Giám đốc:

- Lương hợp đồng: 40.000.000

- Ngày công thực tế: 27 ngày

- Phụ cấp xăng xe: 2.500.000

=> Thu nhập chịu thuế TNCN:  $40.000.000 + 2.500.000 = 42.500.000$

- Giảm trừ bản thân: 11.000.000

- Giảm trừ người phụ thuộc: 4.400.000

- BHXH:  $3.250.000 \times 8\% = 260.000$

- BHYT:  $3.250.000 \times 1,5\% = 48.750$

- BHTN:  $3.250.000 \times 1\% = 32.500$

=> Thu nhập tính thuế TNCN:

$42.500.000 - 11.000.000 - 4.400.000 - 260.000 - 48.750 - 32.500 = 26.758.750$

=> Thuế TNCN:  $26.758.750 \times 20\% - 1.650.000 = 3.701.750$  (Vì 18 trđ < thu nhập tính thuế TNCN < 32 trđ)

=> Tổng các khoản giảm trừ:

$260.000 + 48.750 + 32.500 + 3.701.750 = 4.043.000$

=> Tiền lương thực lĩnh của ông Nguyễn Xuân Thiếp

$40.000.000 + 2.500.000 - 4.043.500 = 38.457.000$



*Ví dụ 2:* Tính tiền lương phải trả cho ông Đinh Quốc Toàn, bộ phận bán hàng:

- Lương hợp đồng: 9.500.000
- Ngày công thực tế: 27 ngày
- Phụ cấp xăng xe: 1.000.000

=> Thu nhập chịu thuế TNCN = 9.500.000 + 1.000.000 = 10.500.000

- Giảm trừ bản thân: 11.000.000

- Do thu nhập chịu thuế TNCN của ông Đinh Quốc Toàn nên sau khi trừ đi khoản giảm trừ Đinh Quốc Toàn không phải nộp thuế TNCN.

- BHXH: 3.250.000 x 8% = 260.000

- BHYT: 3.250.000 x 1,5% = 48.750

- BHTN: 3.250.000 x 1% = 32.500

=> Tổng các khoản giảm trừ:

$$260.000 + 48.750 + 32.500 = 341.250$$

=> Tiền lương thực lĩnh của ông Đinh Quốc Toàn:

$$9.500.000 + 1.000.000 - 341.250 = 10.158.750$$

Đối với các nhân viên khác, tiền lương và các khoản trích theo lương được tính tương tự.

Căn cứ vào Bảng thanh toán lương của từng bộ phận để chi trả và thanh toán lương cho công nhân viên đồng thời tổng hợp tiền lương phải trả cho từng đối tượng sử dụng lao động và tính BHXH, BHYT, BHTN, KPCĐ theo chế độ quy định. Kết quả tổng hợp được phản ánh trong “Bảng phân bổ tiền lương và các khoản trích theo lương”.

**Biểu 2.5. Bảng phân bổ tiền lương và các khoản trích theo lương tháng 12/2022**

**Công ty TNHH Vận Tải và Thương mại Xuân Vinh**

**Địa chỉ: Thôn I, Xã Phú Long, Huyện Nho Quan, Tỉnh Ninh Bình**

**BẢNG PHÂN BỐ TIỀN LƯƠNG VÀ CÁC KHOẢN TRÍCH THEO LƯƠNG  
Tháng 12 năm 2022**

Số TT	Ghi có TK Đối tượng sử dụng	TK 334 -Phải trả người lao động			TK 338-Phải trả, phải nộp khác					Cộng có TK 338 (3382; 3383; 3384; 3386)	TK 3335-Thuế TNCN	Tổng cộng
		Lương	Các khoản khác	Cộng có TK 334	Lương tính BH	KPCĐ	BHXH	BHTN	BHYT			
1	2	3	4	5	6	7=(6)*2%	8=(6)*17,5%	9=(6)*1%	10=(6)*3%	11=(7)+(8)+(9)+(10)	12	13
2	TK 6421 - Chi phí bán hàng	85.500.000	9.000.000	94.500.000	29.250.000	585.000	5.118.750	292.500	877.500	6.873.750		101.373.750
3	TK 6422 - Chi phí quản lý DN	52.000.000	3.500.000	55.500.000	6.500.000	130.000	1.137.500	65.000	195.000	1.527.500		57.027.500
4	TK 334 - Phải trả người lao động						2.860.000	357.500	536.250	3.753.750	3.701.750	7.455.500
	<b>Tổng cộng</b>	<b>137.500.000</b>	<b>12.500.000</b>	<b>150.000.000</b>	<b>35.750.000</b>	<b>715.000</b>	<b>9.116.250</b>	<b>715.000</b>	<b>1.608.750</b>	<b>12.155.000</b>	<b>3.701.750</b>	<b>165.856.750</b>

*Ngày 31 tháng 12 năm 2022*

**Người lập biểu**

*(Ký, họ tên)*

**Kế toán trưởng**

*(Ký, họ tên)*

**Người đại diện theo pháp luật**

*(Ký, họ tên, đóng dấu)*

*Nguồn: Phòng kế toán của Công ty*

*Trích dẫn: Bảng phân bổ tiền lương và bảo hiểm xã hội tháng 12/202*

1. Tổng số tiền lương phải trả cho người lao động ở từng bộ phận:

Lương của người lao động thuộc bộ phận + Phụ cấp xăng xe

- Tiền lương phải trả người lao động ở bộ phận bán hàng là: 85.500.000

- Các khoản khác (Phụ cấp xăng xe): 9.000.000

=> Tổng số tiền lương phải trả người lao động ở bộ phận bán hàng là:

$$85.500.000 + 9.000.000 = 94.500.000$$

- Tiền lương phải trả người lao động ở bộ phận quản lý doanh nghiệp là: 52.000.000

- Các khoản khác (Phụ cấp xăng xe): 3.500.000

=> Tổng số tiền lương phải trả người lao động ở bộ phận quản lý doanh nghiệp:

$$52.000.000 + 3.500.000 = 55.500.000$$

2. Các khoản trích theo lương tính vào chi phí bán hàng:

- Lương tính bảo hiểm: 29.250.000

- KPCĐ = 29.250.000 x 2% = 585.000

- BHXH = 29.250.000 x 17,5% = 5.118.750

- BHTN = 29.250.000 x 1% = 292.500

- BHYT = 29.250.000 x 3% = 877.500

=> Tổng số tiền tính vào chi phí bán hàng là:

$$94.500.000 + 585.000 + 5.118.750 + 292.500 + 877.520 = 101.373.750$$

3. Các khoản trích theo lương tính vào chi phí quản lý doanh nghiệp:

- Lương tính bảo hiểm: 6.500.000

- KPCĐ = 6.500.000 x 2% = 130.000

- BHXH = 6.500.000 x 17,5% = 1.137.500

- BHTN = 6.500.000 x 1% = 65.000

- BHYT = 6.500.000 x 3% = 195.000

=> Tổng số tiền tính vào chi phí quản lý doanh nghiệp là:

$$55.500.000 + 130.000 + 1.137.500 + 65.000 + 195.000 = 57.027.500$$

4. Các khoản trích theo lương trừ vào lương người lao động.

- BHXH = Lương tính bảo hiểm x 8% = 2.860.000

- BHTN = Lương tính bảo hiểm x 1% = 357.500

- BHYT = Lương tính bảo hiểm x 1,5% = 536.250

- Thuế TNCN = 3.071.750

=> Tổng số tiền trừ vào lương người lao động là:

$$2.860.000 + 357.500 + 536.250 + 3.071.750 = 7.455.500$$

Căn cứ vào bảng thanh toán lương tháng 12/2022, kê toán lên Nhật ký chung, phiếu kê toán và sổ cái TK 334.

**Biểu 2.6. (Trích) Nhật ký chung tháng 12/2022**

Công ty TNHH Vận tải và Thương mại Xuân Vinh

Địa chỉ: Nho Quan - Tp. Ninh Bình

Mẫu số S03a – DNN

(Ban hành theo thông tư số 133/2016/TT-BTC ngày 26/08/2016 của Bộ Tài Chính)

**(Trích) NHẬT KÝ CHUNG**

**Tháng 12 Năm 2022**

Đơn vị tính: VNĐ

NT ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Đã ghi Sổ cái	Số hiệu TK	Số phát sinh	
	Số hiệu	NT				Nợ	Có
...	...	..	...	...	...	...	...
31/12/ 22	BLT 12	31/12/ 22	Tiền lương phải trả cho người lao động tháng 12/2022		6421 6422 334	94.500.000 55.500.000	150.000.000
31/12/ 22	BPB T12	31/12/ 22	Các khoản trích theo lương tháng 12/2022		6421 6422 334 3382 3383 3384 3385	6.873.750 1.527.500 3.753.750	715.000 9.116.250 715.000 1.608.750
31/12/ 22	BLT 12	31/12/ 22	Thuế TNCN		334 3335	3.701.750	3.701.750
31/12/ 22	GBN 12	31/12/ 22	Thanh toán lương tháng 12/2022		334 112	165.856.750	165.856.750
			<b>Cộng phát sinh</b>				

- Ngày mở sổ: 01/12/2022

Ngày 31 tháng 12 năm 2022

Người lập sổ  
(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng  
(Ký, họ tên)

Người đại diện theo pháp luật  
(Ký, họ tên, đóng dấu)

Trích dẫn: Sổ Nhật ký chung tháng 12/2022.

**Biểu 2.7. Phiếu kế toán số 01**

**Công ty TNHH Vận tải và Thương mại Xuân Vinh**

**Địa chỉ: Thôn I, Xã Phú Long, Huyện Nho Quan, Tỉnh Ninh Bình**

**PHIẾU KẾ TOÁN**

**Số: 01**

<b>STT</b>	<b>Nội dung</b>	<b>Tài khoản</b>	<b>Phát sinh Nợ</b>	<b>Phát sinh Có</b>
01	Chi phí lương nhân viên bán hàng tháng 12/2022	6421	94.500.000	
02	Chi phí lương nhân viên QLDN tháng 12/2022	6422	55.500.000	
03	Chi phí lương nhân viên tháng 12/2022	334		150.000.000
<b>Cộng</b>			<b>150.000.000</b>	<b>150.000.000</b>

**Người lập phiếu**

*(Ký, họ tên)*

*Ngày 31 tháng 12 năm 2022*

**Kế toán trưởng**

*(Ký, họ tên)*

*Nguồn: Phòng kế toán của Công ty*

*Trích dẫn: Phiếu kế toán số 01.*

**Biểu 2.8. Phiếu kế toán số 02**

**Công ty TNHH Vận tải và Thương mại Xuân Vinh**

**Địa chỉ: Thôn I, Xã Phú Long, Huyện Nho Quan, Tỉnh Ninh Bình**

**PHIẾU KẾ TOÁN**

**Số: 02**

<b>STT</b>	<b>Nội dung</b>	<b>Tài khoản</b>	<b>Phát sinh Nợ</b>	<b>Phát sinh Có</b>
01	Thuế thu nhập cá nhân	334	3.701.750	
02	Thuế thu nhập cá nhân	3335		3.701.750
<b>Cộng</b>			<b>3.701.750</b>	<b>3.701.750</b>

*Ngày 31 tháng 12 năm 2022*

**Người lập phiếu**

*(Ký, họ tên)*

**Kế toán trưởng**

*(Ký, họ tên)*

*Nguồn: Phòng kế toán của Công ty*

*Trích dẫn: Phiếu kế toán số 02.*

## Biểu 2.9. Sổ cái TK 334 tháng 12/2022

Công ty TNHH Vận tải và Thương mại Xuân Vinh

Địa chỉ: Nho Quan - Ninh Bình

Mẫu số S03b – DNN

(Ban hành theo thông tư số 133/2016/TT-BTC ngày 26/08/2016 của Bộ Tài Chính)

### SỔ CÁI

Tháng 12 năm 2022

Tên tài khoản: Phải trả người lao động

Số hiệu: 334

Đơn vị tính: VNĐ

NT ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Đã ghi NKC	Số hiệu TK đối ứng	Số phát sinh	
	Số hiệu	NT				Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ				0
31/12/22	BLT12	31/12/22	Tiền lương phải trả người lao động tháng 12/2022		6421 6422		94.500.000 55.500.000
31/12/22	BPBT12	31/12/22	Các khoản trích theo lương tháng 12/2022		338	3.753.750	
31/12/22	BLT12	31/12/22	Thuế TNCN		3335	3.701.750	
			<b>Cộng số phát sinh</b>			<b>7.455.500</b>	<b>150.000.000</b>
			<b>Số dư cuối kỳ</b>				<b>142.544.500</b>

- Sổ này có ... trang, đánh số trang từ trang 01 đến trang ...

- Ngày mở sổ: 01/12/2022

Ngày 31 tháng 12 năm 2022

Người lập biểu

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Người đại diện theo pháp luật

(Ký, họ tên, đóng dấu)

Nguồn: Phòng kế toán của Công ty

Trích dẫn: Sổ cái TK 334 tháng 12 năm 2022

## 2.3. Thực trạng kế toán các khoản trích theo lương tại Công ty TNHH Vận tải và Thương mại Xuân Vinh

### 2.3.1. Chứng từ và luân chuyển chứng từ

- Bảng phân bổ tiền lương và các khoản trích theo lương

### 2.3.2. Tài khoản sử dụng

Công ty sử dụng 4 tài khoản cấp 2 để hạch toán các khoản trích theo lương:

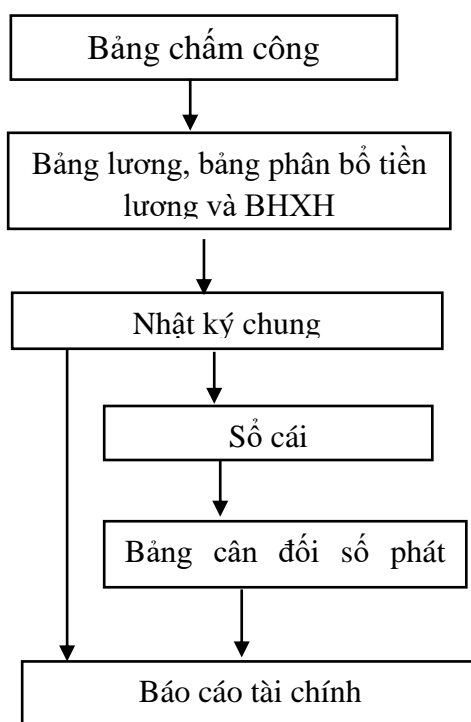
- Tài khoản 3382: Kinh phí công đoàn
- Tài khoản 3383: Bảo hiểm xã hội
- Tài khoản 3384: Bảo hiểm y tế
- Tài khoản 3385: Bảo hiểm thất nghiệp
- Các tài khoản khác có liên quan: 111, 112, ...

### 2.3.3. Ghi sổ kế toán

#### \* Sổ sách sử dụng tại Công ty

- Sổ chi tiết TK 3382, TK 3383, TK 3384, TK 3385
- Sổ nhật ký chung
- Sổ cái TK 338

#### Sơ đồ 2.1. Trình tự ghi sổ các khoản trích theo lương tại Công ty





Căn cứ vào chế độ tính các khoản trích theo tiền lương BHXH, BHYT, KPCĐ, BHTN trích 21,5% vào chi phí và 10,5% vào lương.

Căn cứ vào các chứng từ như Bảng chấm công, Bảng thanh toán tiền lương, Bảng thanh toán tiền BHXH. Trong các trường hợp công nhân viên đã tham gia đóng BHXH mà ốm đau, thai sản, tai nạn lao động thì được trợ cấp BHXH.

Căn cứ vào bảng thanh toán lương tháng 12/2022 và Bảng phân bổ tiền lương và các khoản trích theo lương tháng 12/2022, kế toán lên Sổ chi tiết TK 3382, TK 3383, TK 3384, TK 3385, phiếu kế toán và Sổ cái TK 338.

**Biểu 2.10. Sổ chi tiết TK 3382**

Công ty TNHH Vận tải và Thương mại Xuân Vinh

Địa chỉ: Nho quan – Ninh Bình

Mẫu số S19 – DNN

*(Ban hành theo thông tư số 133/2016/TT-BTC ngày 26/08/2016 của Bộ Tài Chính)***SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN****Tháng 12 năm 2022****Tên tài khoản: Kinh phí công đoàn****Số hiệu: 3382***Đơn vị tính: VNĐ*

NT ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK đối ứng	Số phát sinh	
	Số hiệu	NT			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ			0
31/12/22	BPBT12	31/12/22	Trích KPCĐ vào chi phí bán hàng tháng 12/2022	6421		585.000
31/12/22	BPBT12	31/12/22	Trích KPCĐ vào chi phí quản lý doanh nghiệp tháng 12/2022	6422		130.000
31/12/22	GBN12	31/12/22	Nộp KPCĐ	112	715.000	
			<b>Cộng số phát sinh</b>		<b>715.000</b>	<b>715.000</b>
			<b>Số dư cuối kỳ</b>		<b>x</b>	<b>x</b>

- Ngày mở sổ: 01/12/2022

*Ngày 31 tháng 12 năm 2022***Người lập biểu***(Ký, họ tên)***Kế toán trưởng***(Ký, họ tên)***Người đại diện theo pháp luật***(Ký, họ tên, đóng dấu)**Nguồn: Phiếu kế toán của Công ty*

## Biểu 2.11. Sổ chi tiết TK 3383

Công ty TNHH Vận tải và Thương mại Xuân Vinh

Địa chỉ: Nho Quan - Ninh Bình

Mẫu số S019 – DNN

(Ban hành theo thông tư số 133/2016/TT-BTC ngày 26/08/2016 của Bộ Tài Chính)

### SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN

Tháng 12 năm 2022

Tên tài khoản: Bảo hiểm xã hội

Số hiệu: 3383

Đơn vị tính: VNĐ

NT ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK đối ứng	Số phát sinh	
	Số hiệu	NT			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ			0
31/12/22	BPBT12	31/12/22	Trích BHXH vào chi phí bán hàng tháng 12/2022	6421		5.118.750
31/12/22	BPBT12	31/12/22	Trích BHXH vào chi phí quản lý doanh nghiệp tháng 12/2022	6422		1,137.500
31/12/22	BL12	31/12/22	Trích BHXH tính vào lương NLD tháng 12/2022	334		2.860.000
31/12/22	GBN12	31/12/22	Nộp BHXH	112	9.116.250	
			<b>Cộng số phát sinh</b>		<b>9.116.250</b>	<b>9.116.250</b>
			Số dư cuối kỳ		<b>x</b>	<b>x</b>

- Ngày mở sổ: 01/12/2022

Ngày 31 tháng 12 năm 2022

Người lập biểu

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Người đại diện theo pháp luật

(Ký, họ tên, đóng dấu)

Nguồn: Phòng kế toán của Công ty

**Biểu 2.12. Sổ chi tiết TK 3384**

Công ty TNHH Vận tải và Thương mại Xuân Vinh

Địa chỉ: Nho Quan - Ninh Bình

Mẫu số S019 – DNN

(Ban hành theo thông tư số 133/2016/TT-BTC ngày 26/08/2016 của Bộ Tài Chính)

**SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN**

Tháng 12 năm 2022

Tên tài khoản: Bảo hiểm y tế

Số hiệu: 3384

Đơn vị tính: VND

NT ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK đối ứng	Số phát sinh	
	Số hiệu	NT			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ			0
31/12/22	BPBT12	31/12/22	Trích BHYT vào chi phí bán hàng tháng 12/2022	6421		877.500
31/12/22	BPBT12	31/12/22	Trích BHYT vào chi phí quản lý doanh nghiệp tháng 12/2022	6422		195.000
31/12/22	BL12	31/12/22	Trích BHYT tính vào lương người lao động tháng 12/2022	334		536.250
31/12/22	GBN12	31/12/22	Nộp BHYT	112	1.608.750	
			<b>Cộng số phát sinh</b>		<b>1.608.750</b>	<b>1.608.750</b>
			<b>Số dư cuối kỳ</b>		<b>x</b>	<b>x</b>

- Ngày mở sổ: 01/12/2022

Ngày 31 tháng 12 năm 2022

Người lập biểu

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Người đại diện theo pháp luật

(Ký, họ tên, đóng dấu)

Nguồn: Phòng kế toán của Công ty

**Biểu 2.13. Sổ chi tiết TK 3385**

Công ty TNHH Vận tải và Thương mại Xuân Vinh

Địa chỉ: Nho Quan - Ninh Bình

Mẫu số S019 – DNN

(Ban hành theo thông tư số 133/2016/TT-BTC ngày 26/08/2016 của Bộ Tài Chính)

**SỔ CHI TIẾT TÀI KHOẢN**

Tháng 12 năm 2022

Tên tài khoản: Bảo hiểm thất nghiệp

Số hiệu: 3385

Đơn vị tính: VNĐ

NT ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Số hiệu TK đối ứng	Số phát sinh	
	Số hiệu	NT			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ			0
31/12/22	BPBT12	31/12/22	Trích BHTN vào chi phí bán hàng tháng 12/2022	6421		292.500
31/12/22	BPBT12	31/12/22	Trích BHTN vào chi phí quản lý doanh nghiệp tháng 12/2022	6422		65.000
31/12/22	BL12	31/12/22	Trích BHTN tính vào lương người lao động tháng 12/2022	334		357.500
31/12/22	GBN12	31/12/22	Nộp BHTN	112	715.000	
			<b>Cộng số phát sinh</b>		<b>715.000</b>	<b>715.000</b>
			<b>Số dư cuối kỳ</b>		<b>x</b>	<b>x</b>

- Ngày mở sổ: 01/12/2022

Ngày 31 tháng 12 năm 2022

Người lập biểu

(Ký, họ tên)

Kế toán trưởng

(Ký, họ tên)

Người đại diện theo pháp luật

(Ký, họ tên, đóng dấu)

Nguồn: Phòng kế toán của Công ty

**Biểu 2.14. Phiếu kế toán số 03**

**Công ty TNHH Vận tải và Thương mại Xuân Vinh**

**Địa chỉ: Thôn I, Xã Phú Long, Huyện Nho Quan, Tỉnh Ninh Bình**

**PHIẾU KẾ TOÁN**

**Số: 03**

<b>STT</b>	<b>Nội dung</b>	<b>Tài khoản</b>	<b>Phát sinh Nợ</b>	<b>Phát sinh Có</b>
01	Kinh phí công đoàn	6421	585.000	
02	Kinh phí công đoàn	6422	130.000	
03	Kinh phí công đoàn	3382		715.000
<b>Cộng</b>			<b>715.000</b>	<b>715.000</b>

**Người lập phiếu**  
(Ký, họ tên)

*Ngày 31 tháng 12 năm 2022*  
**Kế toán trưởng**  
(Ký, họ tên)

*Nguồn: Phòng kế toán của Công ty*

*Trích dẫn: Phiếu kế toán*

**Biểu 2.15. Phiếu kế toán số 04**

**Công ty TNHH Vận tải và Thương mại Xuân Vinh**

**Địa chỉ: Thôn I, Xã Phú Long, Huyện Nho Quan, Tỉnh Ninh Bình**

**PHIẾU KẾ TOÁN**

**Số: 04**

<b>STT</b>	<b>Nội dung</b>	<b>Tài khoản</b>	<b>Phát sinh Nợ</b>	<b>Phát sinh Có</b>
01	Bảo hiểm xã hội	6421	5.118.750	
02	Bảo hiểm xã hội	6422	1.137.500	
03	Bảo hiểm xã hội	334	2.860.000	
04	Bảo hiểm xã hội	3383		9.116.250
<b>Cộng</b>			<b>9.116.250</b>	<b>9.116.250</b>

**Người lập phiếu**

*(Ký, họ tên)*

*Ngày 31 tháng 12 năm 2022*

**Kế toán trưởng**

*(Ký, họ tên)*

*Nguồn: Phòng kế toán của Công ty*

**Biểu 2.16. Phiếu kế toán số 05**

**Công ty TNHH Vận tải và Thương mại Xuân Vinh**

**Địa chỉ: Thôn I, Xã Phú Long, Huyện Nho Quan, Tỉnh Ninh Bình**

**PHIẾU KẾ TOÁN**

**Số: 05**

<b>STT</b>	<b>Nội dung</b>	<b>Tài khoản</b>	<b>Phát sinh Nợ</b>	<b>Phát sinh Có</b>
01	Bảo hiểm y tế	6421	877.500	
02	Bảo hiểm y tế	6422	195.000	
03	Bảo hiểm y tế	334	536.250	
04	Bảo hiểm y tế	3384		1.608.750
<b>Cộng</b>			<b>1.608.750</b>	<b>1.608.750</b>

**Người lập phiếu**

*(Ký, họ tên)*

*Ngày 31 tháng 12 năm 2022*

**Kế toán trưởng**

*(Ký, họ tên)*

*Nguồn: Phòng kế toán của Công ty*



**Biểu 2.17. Phiếu kế toán số 06**

**Công ty TNHH Vận tải và Thương mại Xuân Vinh**

**Địa chỉ: Thôn I, Xã Phú Long, Huyện Nho Quan, Tỉnh Ninh Bình**

**PHIẾU KẾ TOÁN**

**Số: 06**

<b>STT</b>	<b>Nội dung</b>	<b>Tài khoản</b>	<b>Phát sinh Nợ</b>	<b>Phát sinh Có</b>
01	Bảo hiểm thất nghiệp	6421	292.500	
02	Bảo hiểm thất nghiệp	6422	65.000	
03	Bảo hiểm thất nghiệp	334	357.500	
04	Bảo hiểm thất nghiệp	3386		715.0000
<b>Cộng</b>			<b>715.000</b>	<b>715.000</b>

*Ngày 31 tháng 12 năm 2022*

**Người lập phiếu**

*(Ký, họ tên)*

**Kế toán trưởng**

*(Ký, họ tên)*

*Nguồn: Phòng kế toán của Công ty*

**Biểu 2.18. Sổ cái TK 338****Công ty TNHH Vận tải và Thương mại Xuân Vinh****Địa chỉ: Nho Quan - Ninh Bình****Mẫu số S03b – DNN***(Ban hành theo thông tư số 133/2016/TT-BTC ngày 26/08/2016 của Bộ Tài Chính)***(Trích) SỔ CÁI****Tháng 12 năm 2022****Tên tài khoản: Phải trả, phải nộp khác****Số hiệu: 338***Đơn vị tính: VNĐ*

NT ghi số	Chứng từ		Diễn giải	Đã ghi NKC	Số hiệu TK đối ứng	Số phát sinh	
	Số hiệu	NT				Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ				0
...	...	...	...	...	...	...	...
31/12/22	BPBT12	31/12/22	Các khoản trích theo lương tháng 12/2022		6421 6422 334		6.873.750 1.527.500 3.753.750
31/12/22	GBN12	31/12/22	Nộp các khoản trích theo lương		112	12.155.000	
			<b>Cộng số phát sinh</b>			<b>12.155.000</b>	<b>12.155.000</b>
			<b>Số dư cuối kỳ</b>				<b>0</b>

- Ngày mở sổ: 01/12/2022

*Ngày 31 tháng 12 năm 2022***Người lập biểu***(Ký, họ tên)***Kế toán trưởng***(Ký, họ tên)***Người đại diện theo pháp luật***(Ký, họ tên, đóng dấu)**Nguồn: Phòng kế toán của Công ty*

## Chương 3

# MỘT SỐ GIẢI PHÁP HOÀN THIỆN KẾ TOÁN TIỀN LƯƠNG VÀ CÁC KHOẢN TRÍCH THEO LƯƠNG TẠI CÔNG TY TNHH VẬN TẢI VÀ THƯƠNG MẠI XUÂN VINH

### 3.1. Đánh giá về công tác kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương tại Công ty TNHH Vận tải và Thương mại Xuân Vinh

Tiền lương chiếm một vị trí rất quan trọng đối với đời sống của cán bộ công nhân viên. Mặt khác tiền lương còn là đòn bẩy kinh tế để khuyến khích tinh thần hăng say lao động, kích thích và tạo mối quan tâm của người lao động đến kết quả công việc của mình. Chính vì vậy, công tác kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương đóng vai trò rất quan trọng trong quá trình kinh doanh của Công ty, là một yếu tố giúp cho Công ty hoàn thành mục tiêu đề ra.

Qua thời gian nghiên cứu và tìm hiểu tình hình thực tế về công tác kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương tại Công ty TNHH Vận tải và Thương mại Xuân Vinh, trên cơ sở lý luận có thể nêu lên một số nhận xét về công tác kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương tại Công ty.

#### 3.1.1. Ưu điểm

##### \* Về quản lý lao động

Công tác quản lý nhân sự chặt chẽ, có đôi chiều việc chấm công với thông kê lao động đảm bảo tính công bằng đối với người lao động.

Phân cấp quản lý rõ ràng giúp Giám đốc nắm bắt được tình hình kinh doanh kịp thời.

##### \* Kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương

Công tác hạch toán tiền lương và các khoản trích theo lương được thực hiện theo đúng quy định của Nhà nước. Một số mẫu sổ được Công ty điều chỉnh lại theo yêu cầu công tác song vẫn đảm bảo đúng quy định của Nhà nước và có tính thống nhất cao.

Công ty áp dụng hình thức sổ Nhật ký chung rất phù hợp với hoạt động sản xuất của Công ty, hình thức này đơn giản, khoa học, thuận tiện nhất là đối với những nghiệp vụ phát sinh lónán cũng như kiểm tra nếu cần.

Quá trình tính lương luôn đảm bảo tính chính xác, thống nhất trong tháng và giữa các tháng trong năm. Phương pháp tính đơn giản, dễ hiểu. Việc ghi chép số liệu từ chứng từ gốc vào sổ sách kế toán đảm bảo tính chính xác, hợp lý và đúng quy định.

Chi phí tiền lương, BHXH, BHYT, KPCĐ, BHTN luôn được tính toán chính xác, đầy đủ theo đúng quy định của Nhà nước, được phân bổ đúng cho từng đối tượng vào chi phí kinh doanh và nộp cho cơ quan quản lý theo đúng thời gian quy định.

Chứng từ được trình bày đúng quy định, có đầy đủ chữ ký, đảm bảo chính xác, việc thu thập xử lý chứng từ được thực hiện khoa học, hợp lý thuận lợi cho quá trình tính toán.

#### **\* Hệ thống tin học ứng dụng trong kế toán tiền lương**

Công ty TNHH Vận tải và Thương mại Xuân Vinh là Công ty kinh doanh thương mại có nhiều nghiệp vụ kế toán. Công ty đã trang bị hệ thống máy vi tính, máy in, máy photo cho các phòng ban trong Công ty. Hệ thống máy tính được kết nối mạng Internet thuận tiện cho thông tin thông suốt và nhanh chóng.

#### **\* Về chính sách lương trong Công ty**

Để nâng cao hiệu quả kinh doanh Công ty đã đưa ra những phương án phân cấp lao động hợp lý, hạch toán tiền lương, thưởng chính xác nhằm khuyến khích, nâng cao năng suất lao động của cán bộ CNV trong công ty.

Công ty sử dụng vốn có hiệu quả, không có tình trạng nợ tồn đọng Nhà nước quá nhiều. Công ty khai đúng, khai đủ số thuế phải nộp theo quy định của Nhà nước ban hành.

### **3.1.2. Hạn chế**

Nhìn chung công tác kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương tại Công ty TNHH Vận tải và Thương mại Xuân Vinh được thực hiện khá tốt, đảm bảo tuân thủ quy định của chế độ kế toán hiện hành và phù hợp với điều kiện kinh tế, đặc điểm sản xuất kinh doanh của Công ty. Tuy nhiên song song với những cố gắng trên, cùng với những tác động chủ quan và khách quan, công tác kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương ở Công ty vẫn còn một số tồn tại cần khắc phục.

- Kế toán theo dõi tiền lương căn cứ vào bảng chấm công mà các phòng ban trong Công ty gửi về để xác định ngày công làm việc thực tế của mỗi công nhân viên trong tháng từ đó làm cơ sở để tính tiền lương phải trả cho người lao động. Tuy nhiên trên bảng chấm công chỉ thể hiện được số ngày đi làm và số ngày nghỉ mà không thể hiện được việc đi sớm về muộn cũng như chưa đánh giá được chất lượng công tác của từng người. Phần lương mà người lao động nhận được không gắn liền với kết quả lao động mà họ tạo ra nên không khuyến khích CNV tích cực làm việc, dễ tạo ra tư tưởng đối phó làm cho đủ ngày công mà không chú trọng đến chất lượng và năng suất lao động.

- Công ty sử dụng nhiều phương thức thanh toán lương khác nhau như trả lương bằng tiền mặt, trả lương qua ngân hàng, tạm ứng. Như vậy, sẽ tạo khó khăn cho doanh nghiệp trong việc quản lý dòng tiền, làm cho kế toán phải đảm nhận một khối lượng công việc khá lớn tại Công ty.

- Việc áp dụng công nghệ thông tin của công ty vẫn còn hạn chế. Với khối lượng công việc tương đối lớn nhưng công tác kế toán còn chủ yếu là thủ công. Công ty chưa áp dụng kế toán máy để thuận lợi cho việc theo dõi các nghiệp vụ kinh tế nên việc cung cấp báo cáo số liệu có lúc còn hạn chế, thiếu tính kịp thời, làm ảnh hưởng tới hiệu quả làm việc của Công ty.

- Công ty chỉ áp dụng hình thức trả lương theo thời gian, chưa có sự kết hợp linh hoạt giữa các hình thức trả lương.

- Công ty chưa chú trọng nhiều đến các khoản phụ cấp khen thưởng cho người lao động được trả lương theo hình thức này từ đó cũng chưa khuyến khích được sự hăng say làm việc của người lao động.

### **3.2. Một số giải pháp nhằm hoàn thiện kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương tại Công ty TNHH Vận tải và Thương mại Xuân Vinh**

#### **3.2.1. Công tác tổ chức và quản lý lao động**

Trong nền kinh tế thị trường khi sức lao động được coi là hàng hoá thì việc xác định đúng giá trị của nó có ý nghĩa vô cùng quan trọng không chỉ với người lao động, người sử dụng lao động mà còn với cả xã hội. Để quá trình kinh doanh diễn ra liên tục người lao động phải tái sản xuất sức lao động của mình. Tiền lương mà doanh nghiệp trả cho người lao động được dùng để bù đắp sức lao động mà họ bỏ ra. Mặt khác tiền lương còn kích thích đảm bảo khi người lao

động làm việc có hiệu quả, có năng suất cao thì tiền lương sẽ tăng lên và ngược lại.

- Công ty nên tổ chức, bố trí lại lao động cho phù hợp, lập tiêu chuẩn, chỉ tiêu đánh giá, xếp hạng tháng cho CNV. Mỗi doanh nghiệp hoạt động kinh doanh đều mong muốn thu nhận được những thông tin cần thiết phục vụ cho hoạt động sản xuất kinh doanh của mình. Nếu doanh nghiệp nào nắm bắt được đầy đủ các thông tin cần thiết thì cũng có khả năng tạo thời cơ phát huy thế chủ động trong sản xuất kinh doanh và đạt hiệu quả cao. Muốn tồn tại và phát triển thì các doanh nghiệp cần phải tạo ra các sản phẩm tốt, giá cả hợp lý thì mới tạo ra lợi thế cạnh tranh của mình.

Để làm được điều này các doanh nghiệp không còn cách nào khác là tối thiểu hoá các chi phí sản xuất từ đó tăng lợi nhuận cho doanh nghiệp. Kế toán là một trong những công cụ quan trọng của hệ thống quản lý kinh tế, là động lực thúc đẩy doanh nghiệp ngày càng phát triển làm ăn có hiệu quả. Vì vậy hoàn thiện công tác kế toán là mục tiêu hàng đầu và cần thiết đối với doanh nghiệp.

- Tăng cường quản lý thời gian và chất lượng lao động. Xét theo hạn chế của Công ty đã nói ở trên về việc chấm công ta thấy ngày công lao động là cơ sở để tính tiền lương cơ bản phải trả cho người lao động. Ngoài việc phản ánh số liệu thực tế nó còn thể hiện tinh thần trách nhiệm của người lao động. Vì thế, việc chấm công chính xác là hết sức cần thiết để đảm bảo sự công bằng cho sức lực người lao động đã bỏ ra cũng như là cơ sở để ban lãnh đạo công ty đánh giá thái độ làm việc của mỗi cán bộ CNV trong đơn vị. Thêm mục thời gian làm việc vào bảng chấm công để quản lý tình hình đi muộn về sớm của cán bộ CNV cũng như đánh giá ngày công lao động được toàn diện và chuẩn xác hơn.

### **3.2.2. Công tác kế toán tiền lương**

- Bên cạnh việc kế toán tiến hành ghi tất cả các nghiệp vụ kinh tế phát sinh vào sổ nhật ký chung, Công ty có thể mở sổ nhật ký đặc biệt để tiện cho việc quản lý và tìm kiếm thông tin. Do các nghiệp vụ thu tiền, chi tiền và mua bán hàng hóa phát sinh với khối lượng lớn nên việc mở sổ nhật ký đặc biệt để ghi chép riêng các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến các đối tượng kế toán này sẽ làm giảm bớt lượng ghi chép các nghiệp vụ vào sổ cái.

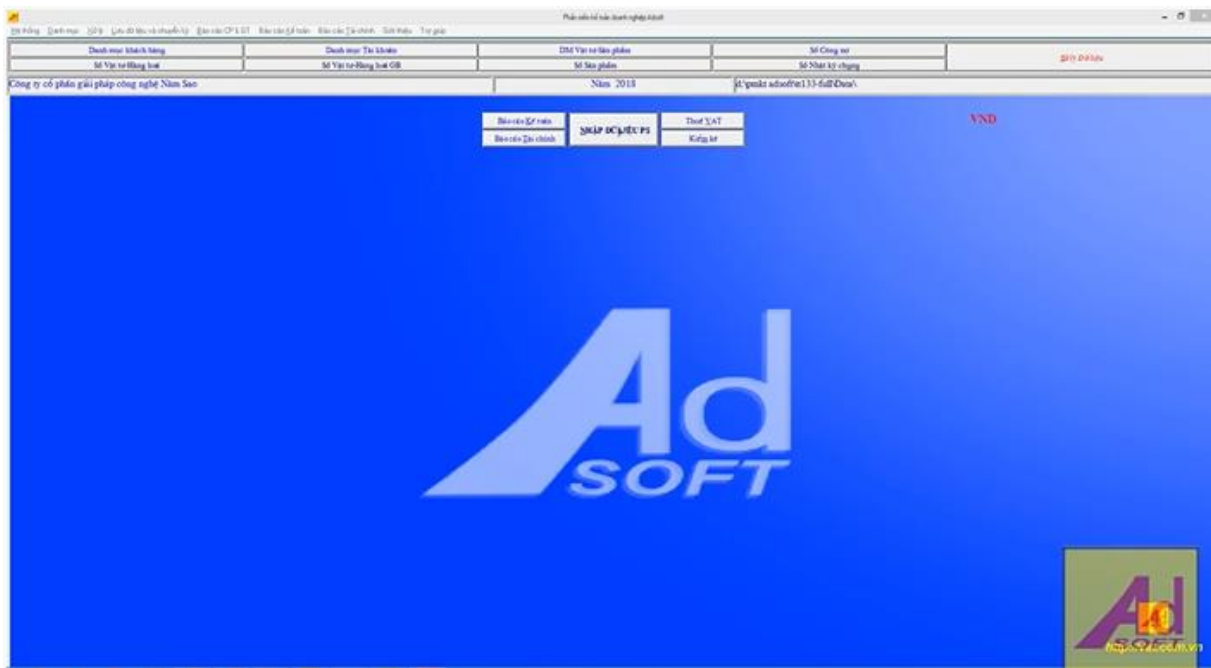
- Các sổ nhật ký đặc biệt là một phần của sổ nhật ký chung nên phương pháp ghi ghép tương tự như sổ nhật ký chung. Các nghiệp vụ đã ghi vào sổ nhật ký đặc biệt thì không ghi vào sổ nhật ký chung. Trường hợp này, căn cứ để ghi sổ cái là sổ nhật ký chung và sổ nhật ký đặc biệt.

- Vì tiền lương của ông Nguyễn Xuân Thiệp là khoản chi phí không hợp lý hợp lệ nên khi quyết toán thuế TNDN kế toán phải loại trừ ra khỏi chi phí thuế TNDN. Hiện tại, kế toán đang thực hiện nộp BHXH theo mức lương tối thiểu vùng sai với quy định, vì vậy đơn vị nên xem xét nộp đúng theo quy định của nhà nước.

### **3.2.3. Hệ thống tin học hóa ứng dụng trong công tác kế toán**

Hiện nay, việc chấm công và tính lương qua Excel mất khá nhiều thời gian. Công ty ngày càng mở rộng quy mô kinh doanh, số lượng nhân viên ngày càng tăng thêm vì vậy để việc chấm công và tính lương sao cho chính xác, không mất nhiều thời gian lọc sổ sách, chứng từ Công ty nên đưa phần mềm kế toán vào sử dụng để giúp cho việc quản lý và tính toán lương dễ dàng hơn. So với việc ghi chép sổ sách thủ công, việc sử dụng phần mềm kế toán giúp tiết kiệm thời gian ghi chép, lên báo cáo, sổ sách. Sau đây là một số ưu điểm của phần mềm kế toán Adsoft, Công ty có thể sử dụng:

Phần mềm kế toán Adsoft tổng hợp các phần mềm kế toán con giúp hỗ trợ các nghiệp vụ kế toán hiện đại như in hóa đơn, lập các kế hoạch kế toán, quản lý vật tư, thiết bị liên quan đến hoạt động kinh doanh, lập các báo cáo kế toán, ... được thực hiện một cách dễ dàng. Phần mềm kế toán Adsoft sử dụng đơn giản, phù hợp với các doanh nghiệp vừa và nhỏ như Công ty TNHH Vận tải và Thương mại Xuân Vinh. Bên cạnh đó, phần mềm còn hỗ trợ thuế tốt giúp cho nhà quản lý có thêm một công cụ để quản lý kế toán doanh nghiệp hoàn thiện hơn.



(Giao diện phần mềm kế toán Adsoft)

Đặc điểm của phần mềm:

- Giao diện: Phần mềm kế toán Adsoft có ưu điểm là dễ sử dụng bởi giao diện trực quan và thân thiện với người dùng, những người mới bắt đầu sử dụng phần mềm cũng sẽ cảm thấy thoải mái, cho phép cập nhật dữ liệu một cách linh hoạt, các mẫu giấy tờ chứng từ tuân theo quy định ban hành.

- Phần mềm cho phép tạo nhiều cơ sở dữ liệu – mỗi đơn vị được thao tác trên một cơ sở dữ liệu khác nhau. Khả năng thao tác lưu, ghi sổ dữ liệu tốt.



- Độ chính xác cao: Có thể khẳng định rằng số liệu tính toán trong phần mềm Adsoft rất chính xác, khả năng xảy ra các sai sót bất thường do lỗi phần mềm rất ít. Điều này giúp người làm kế toán an tâm hơn nhiều so với các phương thức kế toán khác.

- Khả năng bảo mật: Công nghệ bảo mật dữ liệu cao, doanh nghiệp sẽ ít lo lắng về vấn đề bảo mật như các phần mềm kế toán chạy trên các nền tảng khác.

Tác dụng:

- Cho phép các đối tượng ngoài kế toán như thủ quỹ, thủ kho tham gia vào phần mềm, giúp tiết kiệm thời gian công việc của thủ quỹ, thủ kho

- Chuẩn hóa chương trình của doanh nghiệp, tiết kiệm thời gian báo cáo mà không lo bị cơ quan thuế phạt do báo cáo chậm trễ, số liệu chưa chính xác.

- Giúp kế toán có sẵn số liệu để cung cấp cho ban lãnh đạo để ra quyết định kịp thời.

- Tự động sao lưu dữ liệu mỗi phiên làm việc, dễ dàng phục hồi dữ liệu khi có sự cố xảy ra, dữ liệu kế toán luôn được an toàn khi có thay đổi về mặt nhân sự kế toán.

### **3.2.4. Chính sách tiền lương**

Khi khoa học công nghệ ngày càng phát triển, con người hướng đến sự thuận lợi, nhanh gọn nhiều hơn thì việc trả lương bằng tiền mặt mất rất nhiều thời gian. Để tiết kiệm thời gian thanh toán lương và tạo sự thuận tiện cho người lao động, Công ty nên tiến hành trả lương cho NLD thông qua hình thức chuyển khoản.

Việc tính lương ở Công ty trong trường hợp trả lương theo thời gian công tác dẫn tới tình trạng hao phí sức lao động, tức là, tiền lương trả cho người lao động chưa phản ánh được tính chất và mức độ công việc mà người lao động bỏ ra. Để đảm bảo tiết kiệm chi phí lao động sống, tăng hiệu quả sản xuất kinh doanh và chi trả lương theo đúng trí lực, sức lực của người lao động thì ngoài tổ chức lao động, tăng cường kiểm tra, kiểm soát Công ty nên kết hợp việc trả lương theo thời gian và việc trả lương theo doanh thu. Vì lĩnh vực kinh doanh của Công ty là mặt hàng vật liệu xây dựng nên việc tìm kiếm nhiều khách hàng cũng như các đại lý bán lẻ là điều rất đáng khuyến khích. Vì thế việc trả lương

theo doanh thu sẽ khiến nhân viên tích cực hơn trong việc tìm kiếm khách hàng và mang về doanh thu cho Công ty.

Xây dựng chế độ khen thưởng khuyến khích người lao động hăng say làm việc, tích cực tìm kiếm những khách hàng tiềm năng. Công ty có thể áp dụng mức thưởng như sau:

- Mỗi NLD vượt doanh thu 100 triệu đồng/ tháng thưởng 5% phần doanh thu vượt quá.

- Mỗi NLD vượt doanh thu 200 triệu đồng/ tháng thưởng 10% phần doanh thu vượt quá.

### **3.3. Điều kiện thực hiện giải pháp**

Để hoàn thiện công tác kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương tại Công ty không chỉ cần sự nỗ lực từ một phía mà cần phải có sự kết hợp giữa cá nhân, doanh nghiệp.

- Đối với cá nhân – nhân viên kế toán: Nhân viên kế toán phải là người có trình độ chuyên môn, hiểu biết về lĩnh vực tiền lương và các chính sách, chế độ BHXH, BHYT, KPCĐ. Thường xuyên cập nhật, nghiên cứu, học hỏi, tìm hiểu những thay đổi chính sách, pháp luật kinh tế của Nhà nước, chuẩn mực kế toán, tình hình kinh tế trong và ngoài nước, kịp thời tiếp cận với sự thay đổi của nền kinh tế thế giới.

- Đối với doanh nghiệp: Công ty phải nhận thức được tầm quan trọng của việc hạch toán và chi trả tiền lương. Trả lương một cách hợp lý không những đảm bảo đời sống cho người lao động mà còn thúc đẩy tăng năng suất lao động, khuyến khích sáng tạo trong kinh doanh. Công ty cần tạo điều kiện để NLD nâng cao tay nghề thông qua các khóa học nâng cao ngắn và dài hạn.

Như vậy, việc hoàn thiện công tác kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương là rất quan trọng không chỉ đối với doanh nghiệp mà còn đối với sự phát triển chung của đất nước.

## KẾT LUẬN

Việt Nam đang bước vào giai đoạn phát triển với tốc độ nhanh của nền kinh tế mở. Mỗi một doanh nghiệp cần phải xác định rõ ràng mục tiêu, con đường phát triển riêng của mình, Công ty TNHH Vận tải và Thương mại Xuân Vinh cũng không nằm ngoài quỹ đạo đó. Để trở thành công cụ quản lý có hiệu quả, kế toán nói chung và kế toán tiền lương nói riêng phải luôn được cải tiến và hoàn thiện nhằm đáp ứng công tác quản lý lao động trong nền kinh tế hiện nay.

Đề tài nghiên cứu khoa học “*Thực trạng kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương tại Công ty TNHH Vận tải và Thương mại Xuân Vinh*” đã đề cập tới những vấn đề lý luận cơ bản, tình hình thực tế tại Công ty và đưa ra một số biện pháp hoàn thiện kế toán tiền lương và các khoản trích theo lương tại Công ty TNHH Vận tải và Thương mại Xuân Vinh.

Tuy nhiên, do kiến thức còn nhiều hạn chế nên bài báo cáo không thể tránh khỏi những sai sót, em rất mong nhận được sự đánh giá, những ý kiến đóng góp quý báu từ các thầy cô để báo cáo nghiên cứu khoa học của chúng em được hoàn thiện hơn.

Cuối cùng, chúng em xin chân thành cảm ơn ban lãnh đạo, phòng kế toán Công ty TNHH Vận tải và Thương mại Xuân Vinh và Th.S Đỗ Thị Thủy đã nhiệt tình hướng dẫn và giúp đỡ chúng em trong suốt quá trình tìm hiểu, nghiên cứu và hoàn thành báo cáo của mình.

Chúng em xin chân thành cảm ơn!

## DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ Tài chính (2008). 26 Chuẩn mực kế toán Việt Nam; NXB Tài chính.
2. Bộ tài chính (2016). Thông tư 133/2016/TT-BTC về việc hướng dẫn Chế độ kế toán doanh nghiệp nhỏ và vừa.
3. Đặng Thị Loan (2015). Giáo trình kế toán tài chính trong các doanh nghiệp, NXB Đại học Kinh tế quốc dân.
4. Phạm Thị Gái (2018). Giáo trình phân tích hoạt động kinh doanh – Xuất bản Đại học Kinh tế quốc dân.
5. <https://thuvienphapluat.vn/phap-luat/thoi-su-phap-luat/ty-le-dong-bao-hiem-xa-hoi-cua-doanh-nghiep-duoc-quy-dinh-the-nao-muc-dong-bao-hiem-xa-hoi-cua-doan-30200.html>.
6. Tài liệu của Công ty TNHH Vận tải và Thương mại Xuân Vinh.